BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 10 /2019/TT-BTNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Hưng Yên;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Email: btnmt@monre.gov.vn
Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ngày ký: 08.07.2019 16:39:46 +07:00

Nguyễn Thị Phương Hoa

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THUỶ VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Hưng Yên.

2. Danh mục địa danh, dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thuỷ văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; TX. là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng" là toạ độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị toạ độ tương ứng theo cột "Toạ độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị toạ độ tương ứng theo 2 cột "Toạ độ điểm đầu" và "Toạ độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THUỶ VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thuỷ văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hưng Yên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Hưng Yên	3
2	Thị xã Mỹ Hào	10
3	Huyện Ân Thi	16
4	Huyện Khoái Châu	25
5	Huyện Kim Động	33
6	Huyện Phù Cừ	40
7	Huyện Tiên Lữ	45
8	Huyện Văn Giang	51
9	Huyện Văn Lâm	56
10	Huyện Yên Mỹ	62

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố An Bình	DC	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 40' 37"	106° 03' 58"					F-48-81-C-a
khu phố An Dương	DC	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 40' 08"	106° 03' 43"					F-48-81-C-a
khu phố An Lợi	DC	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 41' 03"	106° 04' 07"					F-48-81-C-a
khu phố An Thượng	DC	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 40' 55"	106° 03' 40"					F-48-81-C-a
khu phố Chợ Gạo	DC	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 40' 34"	106° 03' 29"					F-48-81-C-a
cầu An Tảo	KX	P. An Tảo	TP. Hưng Yên	20° 40' 41"	106° 03' 46"					F-48-81-C-a
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. An Tảo	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 41' 44"	106° 03' 24"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	P. An Tảo	TP. Hưng Yên			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	P. An Tảo	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
sông Điện Biên	TV	P. An Tảo	TP. Hưng Yên			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-C-a
khu phố An Đông	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 26"	106° 03' 37"					F-48-81-C-a
khu phố An Thịnh	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 50"	106° 03' 31"					F-48-81-C-a
khu phố An Vũ	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 36"	106° 03' 30"					F-48-81-C-a
khu phố Ấp Dâu	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 40' 00"	106° 03' 18"					F-48-81-C-a
khu phố Chùa Chuông	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 27"	106° 02' 53"					F-48-81-C-a
khu phố Nhân Dục	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 44"	106° 03' 06"					F-48-81-C-a
khu phố Tô Hiệu	DC	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 18"	106° 03' 35"					F-48-81-C-a
Chùa Chuông	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 25"	106° 02' 54"					F-48-81-C-a
đình An Vũ	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 39' 30"	106° 03' 29"					F-48-81-C-a
đường Chu Mạnh Trinh	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 39' 33"	106° 03' 22"	20° 39' 36"	106° 02' 37"	F-48-81-C-a
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 41' 44"	106° 03' 24"	F-48-81-C-a
đường Tô Hiệu	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 39' 09"	106° 03' 57"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Công nhân Kỹ thuật Hưng Yên	KX	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên	20° 40' 02"	106° 03' 03"					F-48-81-C-a
sông Điện Biên	TV	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	P. Hiến Nam	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
khu phố Đường Phố Hiến	DC	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 27"	106° 03' 24"					F-48-81-C-a
khu phố Mậu Dương	DC	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 31"	106° 03' 23"					F-48-81-C-a
khu phố Nam Tiến	DC	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 25"	106° 02' 53"					F-48-81-C-a
khu phố Phương Độ	DC	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 28"	106° 03' 46"					F-48-81-C-a
Chùa Hiến	KX	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 29"	106° 03' 27"					F-48-81-C-a
Đình Hiến	KX	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 26"	106° 03' 29"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
hội quán Đông Đô Quảng Hội	KX	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 24"	106° 03' 34"					F-48-81-C-a
Trung tâm Hội nghị Quốc tế	KX	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 43"	106° 03' 49"					F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	P. Hồng Châu	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
khu phố Cao Xá	DC	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 53"	106° 03' 04"					F-48-81-C-a
khu phố Đằng Châu	DC	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 34"	106° 02' 27"					F-48-81-C-a
khu phố Kim Đằng	DC	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 25"	106° 02' 55"					F-48-81-C-a
khu phố Xích Đằng	DC	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 39' 47"	106° 02' 45"					F-48-81-C-a
đường Chu Mạnh Trinh	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 39' 33"	106° 03' 22"	20° 39' 36"	106° 02' 37"	F-48-81-C-a
đền Kim Đằng	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 27"	106° 02' 48"					F-48-81-C-a
Đền Mây	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 21"	106° 02' 31"					F-48-81-C-a
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 41' 44"	106° 03' 24"	F-48-81-C-a
cầu Yên Lệnh	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 39' 33"	106° 02' 00"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
ngã tư Chợ Gạo	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 40' 36"	106° 03' 27"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
văn miếu Xích Đằng	KX	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên	20° 39' 49"	106° 02' 49"					F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	P. Lam Sơn	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
khu phố Bãi Sậy	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 06"	106° 03' 04"					F-48-81-C-a
khu phố Điện Biên 1	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 16"	106° 03' 22"					F-48-81-C-a
khu phố Điện Biên 2	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 38' 58"	106° 03' 20"					F-48-81-C-a
khu phố Lê Lai	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 09"	106° 03' 19"					F-48-81-C-a
khu phố Nguyễn Huệ	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 16"	106° 03' 31"					F-48-81-C-a
khu phố Nguyễn Thiện Thuật	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 00"	106° 03' 08"					F-48-81-C-a
khu phố Nguyễn Trãi	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 11"	106° 03' 22"					F-48-81-C-a
khu phố Trưng Nhị	DC	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 38' 58"	106° 03' 10"					F-48-81-C-a
Công viên An Vũ	KX	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 10"	106° 03' 26"					F-48-81-C-a
đường Tô Hiệu	KX	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 39' 09"	106° 03' 57"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
hồ Số 1	TV	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 13"	106° 03' 10"					F-48-81-C-a
hồ Số 2	TV	P. Lê Lợi	TP. Hưng Yên	20° 39' 10"	106° 03' 35"					F-48-81-C-a
khu phố Bạch Đằng Giang	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 44"	106° 02' 55"					F-48-81-C-a
khu phố Bãi Sậy	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 51"	106° 03' 00"					F-48-81-C-a
khu phố Bắc Lê Hồng Phong	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 58"	106° 02' 11"					F-48-81-C-a
khu phố Nam Lê Hồng Phong	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 44"	106° 02' 28"					F-48-81-C-a
khu phố Phan Đình Phùng	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 39' 01"	106° 02' 54"					F-48-81-C-a
khu phố Tân Thị	DC	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 56"	106° 02' 48"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
hồ Bán Nguyệt	TV	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên	20° 38' 42"	106° 03' 07"					F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	P. Minh Khai	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
khu phố Bắc Thành	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 56"	106° 03' 30"					F-48-81-C-a
khu phố Điện Biên	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 50"	106° 03' 19"					F-48-81-C-a
khu phố Đông Thành	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 52"	106° 03' 34"					F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Hai Bà Trưng	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 52"	106° 03' 14"					F-48-81-C-a
khu phố Nam Thành	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 43"	106° 03' 29"					F-48-81-C-a
khu phố Phạm Ngũ Lão	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 50"	106° 03' 10"					F-48-81-C-a
khu phố Tây Thành	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 45"	106° 03' 25"					F-48-81-C-a
khu phố Vọng Cung	DC	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 44"	106° 03' 10"					F-48-81-C-a
Chùa Phố	KX	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 51"	106° 03' 13"					F-48-81-C-a
đền Thiên Hậu	KX	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 53"	106° 03' 10"					F-48-81-C-a
Đền Mẫu	KX	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 44"	106° 03' 09"					F-48-81-C-a
Đền Trần	KX	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 47"	106° 03' 08"					F-48-81-C-a
Võ Miếu	KX	P. Quang Trung	TP. Hưng Yên	20° 38' 52"	106° 03' 18"					F-48-81-C-a
Thôn Cao	DC	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 42' 01"	106° 03' 21"					F-48-81-C-a
thôn Đoàn Thượng	DC	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 42' 29"	106° 03' 20"					F-48-81-C-a
thôn Tiền Thắng	DC	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 42' 36"	106° 03' 12"					F-48-81-C-a
thôn Triều Tiên	DC	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 41' 35"	106° 03' 35"					F-48-81-C-a
thôn Vạn Tường	DC	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 41' 17"	106° 03' 39"					F-48-81-C-a
đền Tân La	KX	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên	20° 42' 27"	106° 03' 18"					F-48-81-C-a
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 41' 44"	106° 03' 24"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38	KX	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
sông Điện Biên	TV	xã Bảo Khê	TP. Hưng Yên			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-C-a
thôn An Châu 1	DC	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 37' 20"	106° 04' 22"					F-48-81-C-c
thôn An Châu 2	DC	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 37' 14"	106° 04' 39"					F-48-81-C-c
thôn Hà Châu	DC	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 37' 22"	106° 05' 27"					F-48-81-C-c
thôn Phù Sa	DC	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 37' 15"	106° 05' 01"					F-48-81-C-c
bến khách ngang sông Vũ Điện	KX	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 36' 38"	106° 04' 58"					F-48-81-C-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Hưng Hà	KX	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên	20° 36' 53"	106° 05' 30"					F-48-81-C-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 378	KX	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c
Sông Hồng	TV	xã Hoàng Hanh	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
Xóm Bầu	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 37' 58"	106° 05' 09"					F-48-81-C-a
thôn Điện Biên	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 03"	106° 05' 36"					F-48-81-C-a
thôn Lê Như Hổ	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 00"	106° 04' 33"					F-48-81-C-a
thôn Nễ Châu	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 37' 47"	106° 04' 40"					F-48-81-C-a
Xóm Hà	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 13"	106° 04' 10"					F-48-81-C-a
Xóm Hôm	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 05"	106° 05' 17"					F-48-81-C-a
xóm Hồng Phong	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 08"	106° 04' 11"					F-48-81-C-a
xóm Hưng Đạo	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 31"	106° 05' 45"					F-48-81-C-a
xóm Hỷ Tước	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 27"	106° 04' 00"					F-48-81-C-a
xóm Trần Phú	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 37' 44"	106° 04' 44"					F-48-81-C-a
Xóm Tiểu	DC	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 08"	106° 05' 38"					F-48-81-C-a
chùa Nễ Châu	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 20"	106° 03' 49"					F-48-81-C-a
đền Lê Như Hổ	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 01"	106° 04' 53"					F-48-81-C-a
đình Lê Như Hổ	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 38' 01"	106° 04' 55"					F-48-81-C-a
đình Nễ Châu	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 37' 52"	106° 04' 13"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
đầm Lễ Châu	TV	xã Hồng Nam	TP. Hưng Yên	20° 37' 40"	106° 04' 29"					F-48-81-C-a
thôn Cao Xá	DC	xã Hùng Cường	TP. Hưng Yên	20° 41' 04"	106° 02' 10"					F-48-81-C-a
thôn Đông Hạ	DC	xã Hùng Cường	TP. Hưng Yên	20° 41' 19"	106° 01' 59"					F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Hùng Cường	TP. Hưng Yên	20° 41' 57"	106° 02' 28"					F-48-81-C-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Hùng Cường	TP. Hưng Yên	20° 41' 30"	106° 01' 52"					F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	xã Hùng Cường	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
thôn An Chiểu 1	DC	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên	20° 39' 12"	106° 04' 36"					F-48-81-C-a
thôn An Chiểu 2	DC	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên	20° 40' 00"	106° 04' 05"					F-48-81-C-a
thôn Đông Chiểu	DC	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên	20° 39' 38"	106° 04' 22"					F-48-81-C-a
thôn Vân Phương	DC	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên	20° 38' 59"	106° 04' 59"					F-48-81-C-a
đường Tô Hiệu	KX	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên			20° 39' 20"	106° 03' 21"	20° 39' 09"	106° 03' 57"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Liên Phương	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
thôn Doanh Châu	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 12"	106° 02' 14"					F-48-81-C-a
thôn Đông Hồng	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 19"	106° 02' 26"					F-48-81-C-a
thôn Kệ Châu 1	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 41' 59"	106° 01' 33"					F-48-81-C-a
thôn Kệ Châu 2	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 07"	106° 01' 46"					F-48-81-C-a
thôn Kệ Châu 3	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 26"	106° 01' 53"					F-48-81-C-a
thôn Tân Mỹ 1	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 25"	106° 01' 09"					F-48-81-C-a
thôn Tân Mỹ 2	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 15"	106° 01' 27"					F-48-81-C-a
thôn Tân Trung	DC	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 30"	106° 01' 25"					F-48-81-C-a
chùa Kệ Châu	KX	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 31"	106° 01' 45"					F-48-81-C-a
đình Bồng Châu	KX	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 06"	106° 01' 17"					F-48-81-C-a
đình Kệ Châu	KX	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên	20° 42' 30"	106° 01' 46"					F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	xã Phú Cường	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a
thôn Phương Thông	DC	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 47"	106° 05' 26"					F-48-81-C-a
thôn Phương Thượng	DC	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 19"	106° 04' 55"					F-48-81-C-a
thôn Phương Trung	DC	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 21"	106° 05' 16"					F-48-81-C-a
đền thờ Doãn Nỗ	KX	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 22"	106° 05' 32"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lăng mộ Doãn Nỗ	KX	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 20"	106° 05' 42"					F-48-81-C-a
Phủ Vị (Chùa Phủ)	KX	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên	20° 38' 25"	106° 05' 04"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Phương Chiểu	TP. Hưng Yên			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
Thôn 1	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 59"	106° 02' 51"					F-48-81-C-a
Thôn 2	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 07"	106° 03' 23"					F-48-81-C-a
Thôn 3	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 45"	106° 03' 25"					F-48-81-C-a
Thôn 4	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 38"	106° 03' 35"					F-48-81-C-a
Thôn 5	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 25"	106° 03' 57"					F-48-81-C-c
Thôn 6	DC	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 41"	106° 03' 59"					F-48-81-C-a
bến khách ngang sông Quảng Châu	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 36' 23"	106° 04' 05"					F-48-81-C-c
chùa Nễ Châu	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 17"	106° 03' 29"					F-48-81-C-a
đền thờ Hoàng Bà Trần Mã Châu	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 37' 34"	106° 04' 09"					F-48-81-C-a
Đình Chay	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 15"	106° 03' 39"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
Phủ Bà	KX	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên	20° 38' 14"	106° 03' 42"					F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	xã Quảng Châu	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c
thôn Lê Lợi	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 27"	106° 05' 50"					F-48-81-C-c
thôn Minh Khai	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 54"	106° 05' 17"					F-48-81-C-a
thôn Quang Trung	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 51"	106° 05' 44"					F-48-81-C-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 38' 00"	106° 06' 56"					F-48-81-C-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 50"	106° 06' 18"					F-48-81-C-a
thôn Trần Phú	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 58"	106° 05' 56"					F-48-81-C-a
thôn Viên Tiêu	DC	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên	20° 37' 39"	106° 05' 06"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c
Đường tỉnh 378	KX	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c, F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Tân Hưng	TP. Hưng Yên			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
phố Chợ Đầu	DC	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 57"	106° 04' 34"					F-48-81-C-a
thôn Đào Đặng	DC	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 43"	106° 04' 56"					F-48-81-C-a
thôn Đặng Cầu	DC	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 41' 04"	106° 04' 55"					F-48-81-C-a
thôn Tính Linh	DC	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 41' 24"	106° 04' 28"					F-48-81-C-a
cầu Chợ Đầu	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 54"	106° 04' 26"					F-48-81-C-a
chùa Đào Đặng	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 50"	106° 04' 41"					F-48-81-C-a
đền Đào Đặng	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 49"	106° 04' 44"					F-48-81-C-a
đền Mẫu Đào Nương	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 51"	106° 04' 28"					F-48-81-C-a
đình Đào Đặng	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên	20° 40' 47"	106° 04' 48"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
sông Hoà Bình	TV	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-a
sông Tân An	TV	xã Trung Nghĩa	TP. Hưng Yên			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-a
tổ dân phố Bến	DC	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 55' 08"	106° 06' 23"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Đọ	DC	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 54' 59"	106° 06' 16"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Lường	DC	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 55' 05"	106° 07' 08"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Ngo	DC	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 55' 23"	106° 06' 23"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Phan	DC	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 55' 20"	106° 06' 16"					F-48-81-A-a
cầu vượt Số 4	KX	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào	20° 54' 59"	106° 06' 24"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 27"	106° 09' 02"	F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu Dậu	TV	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào			20° 55' 21"	106° 05' 33"	20° 54' 58"	106° 06' 44"	F-48-81-A-a
sông Cầu Lường	TV	P. Bạch Sam	TX. Mỹ Hào			20° 45' 58"	106° 06' 44"	20° 53' 55"	106° 07' 28"	F-48-81-A-a
tổ dân phố Phố Bần	DC	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 22"	106° 02' 31"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Phố Nối	DC	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 06"	106° 03' 25"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Cộng Hoà	DC	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 38"	106° 02' 16"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Phú Đa	DC	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 48"	106° 02' 48"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Văn Nhuế	DC	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 22"	106° 03' 10"					F-48-81-A-a
chùa Bình Tân	KX	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 21"	106° 02' 18"					F-48-81-A-a
Đình Bần	KX	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 27"	106° 02' 19"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a
Trường Cao đẳng Bách Khoa Hưng Yên	KX	P. Bần Yên Nhân	TX. Mỹ Hào	20° 56' 10"	106° 02' 45"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Bưởi	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 16"	106° 05' 08"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Nhân Vinh	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 50"	106° 05' 03"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Phan Bôi	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 45"	106° 04' 19"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Rừng	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 31"	106° 04' 58"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Sài	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 24"	106° 05' 07"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Tháp	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 28"	106° 05' 09"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Thợ	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 27"	106° 04' 54"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Trại	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 38"	106° 05' 08"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Trên	DC	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 34"	106° 04' 54"					F-48-81-A-a
Chùa Thứa	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 31"	106° 05' 10"					F-48-81-A-a
Công ty May Hưng Long	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào	20° 55' 46"	106° 04' 07"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
Phố Thứa	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào			20° 55' 37"	106° 04' 59"	20° 55' 25"	106° 05' 25"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 39	KX	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-a
kênh Trần Thành Ngọ	TV	P. Dị Sử	TX. Mỹ Hào			20° 55' 46"	106° 03' 48"	20° 54' 54"	106° 05' 51"	F-48-81-A-a
tổ dân phố Dương Hoà	DC	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 08"	106° 08' 34"					F-48-81-A-b
tổ dân phố Phong Cốc	DC	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 19"	106° 08' 17"					F-48-81-A-b
tổ dân phố Sài Phi	DC	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 23"	106° 07' 39"					F-48-81-A-b
tổ dân phố Thịnh Vạn	DC	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 17"	106° 08' 49"					F-48-81-A-b
tổ dân phố Vân An	DC	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 37"	106° 07' 51"					F-48-81-A-b
cầu vượt Quán Gỏi	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 27"	106° 09' 02"					F-48-81-A-b
cầu vượt Số 5	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 14"	106° 08' 07"					F-48-81-A-b
Cầu Sặt	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 54' 58"	106° 08' 54"					F-48-81-A-b
Công ty Kerry	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 08"	106° 07' 53"					F-48-81-A-b
Công ty May Phú Dụ	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 02"	106° 07' 26"					F-48-81-A-a
đình Phong Cốc	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào	20° 55' 24"	106° 08' 13"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-b
sông Tây Kẻ Sặt	TV	P. Minh Đức	TX. Mỹ Hào			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-b
tổ dân phố An Tháp	DC	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 53"	106° 04' 05"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Lỗ Xá	DC	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 29"	106° 04' 43"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Nguyễn Xá	DC	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 34"	106° 04' 15"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Yên Tập	DC	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 57' 01"	106° 03' 30"					F-48-81-A-a
cầu Nhân Hoà	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 32"	106° 03' 54"					F-48-81-A-a
chùa Nguyễn Xá	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 40"	106° 04' 04"					F-48-81-A-a
đình Lỗ Xá	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 27"	106° 04' 39"					F-48-81-A-a
đình Nguyễn Xá	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 33"	106° 04' 13"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 5	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (Cơ sở 2)	KX	P. Nhân Hoà	TX. Mỹ Hào	20° 56' 18"	106° 03' 54"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Hoàng Lê	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 57' 24"	106° 04' 29"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Kim Huy	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 57' 50"	106° 04' 25"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Nghĩa Trang	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 58' 22"	106° 04' 09"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Ngọc Trì	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 58' 11"	106° 05' 06"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Phúc Xá	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 57' 32"	106° 03' 26"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Quan Cù	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 57' 12"	106° 04' 15"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Yên Xá	DC	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào	20° 57' 40"	106° 04' 55"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
sông Bần Vũ Xá	TV	P. Phan Đình Phùng	TX. Mỹ Hào			20° 57' 59"	106° 04' 27"	20° 57' 28"	106° 09' 05"	F-48-81-A-a
tổ dân phố Đào Du	DC	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 13"	106° 05' 27"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Long Đằng	DC	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 37"	106° 05' 43"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Nghĩa Lộ	DC	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 27"	106° 05' 25"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Ngọc Lập	DC	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 23"	106° 05' 30"					F-48-81-A-a
tổ dân phố Tứ Mỹ	DC	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 11"	106° 05' 36"					F-48-81-A-a
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại An Phát	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 05"	106° 05' 57"					F-48-81-A-a
Công ty Giống Lợn Miền Bắc	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 54' 42"	106° 05' 47"					F-48-81-A-a
Đài VN3 - Đài tiếng nói Việt Nam	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào	20° 55' 07"	106° 05' 21"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a
kênh Trần Thành Ngọ	TV	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào			20° 55' 46"	106° 03' 48"	20° 54' 54"	106° 05' 51"	F-48-81-A-a
sông Cầu Dậu	TV	P. Phùng Chí Kiên	TX. Mỹ Hào			20° 55' 21"	106° 05' 33"	20° 54' 58"	106° 06' 44"	F-48-81-A-a
thôn Cẩm Quan	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 57' 01"	106° 04' 59"					F-48-81-A-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 56' 49"	106° 05' 23"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Bùi	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 56' 06"	106° 05' 46"					F-48-81-A-a
Thôn Dâu	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 56' 02"	106° 05' 27"					F-48-81-A-a
thôn Nhuận Trạch	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 57' 28"	106° 06' 11"					F-48-81-A-a
thôn Tiên Xá 1	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 57' 09"	106° 05' 19"					F-48-81-A-a
thôn Tiên Xá 2	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 57' 02"	106° 05' 30"					F-48-81-A-a
thôn Tiên Xá 3	DC	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 56' 56"	106° 05' 33"					F-48-81-A-a
đình Cẩm Quan	KX	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào	20° 56' 55"	106° 04' 59"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
sông Bần Vũ Xá	TV	xã Cẩm Xá	TX. Mỹ Hào			20° 57' 59"	106° 04' 27"	20° 57' 28"	106° 09' 05"	F-48-81-A-a
thôn Bùi Bồng	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 12"	106° 07' 07"					F-48-81-A-a
thôn Dương Xá	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 16"	106° 06' 52"					F-48-81-A-a
thôn Hiển Dương	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 33"	106° 06' 17"					F-48-81-A-a
thôn Lê Xá	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 57' 22"	106° 07' 14"					F-48-81-A-a
thôn Mão Chinh	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 15"	106° 07' 40"					F-48-81-A-b
thôn Phú Hữu	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 09"	106° 06' 40"					F-48-81-A-a
thôn Vinh Xá	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 57' 12"	106° 06' 45"					F-48-81-A-a
thôn Vũ Xá	DC	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 59"	106° 07' 13"					F-48-81-A-a
đình Bùi Bồng	KX	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào	20° 56' 09"	106° 07' 10"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
sông Bần Vũ Xá	TV	xã Dương Quang	TX. Mỹ Hào			20° 57' 59"	106° 04' 27"	20° 57' 28"	106° 09' 05"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
thôn Hoà Đam	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 57' 16"	106° 08' 29"					F-48-81-A-b
thôn Hoà Lạc	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 57' 00"	106° 08' 35"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Lai	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 56' 11"	106° 08' 06"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Miếu	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 56' 27"	106° 08' 45"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Thọ	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 55' 39"	106° 08' 41"					F-48-81-A-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thuần Mỹ	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 57' 03"	106° 08' 44"					F-48-81-A-b
thôn Vân Dương	DC	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào	20° 56' 12"	106° 08' 31"					F-48-81-A-b
sông Bần Vũ Xá	TV	xã Hoà Phong	TX. Mỹ Hào			20° 57' 59"	106° 04' 27"	20° 57' 28"	106° 09' 05"	F-48-81-A-b
thôn Đống Thanh	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 53' 43"	106° 05' 21"					F-48-81-A-a
thôn Lạc Dục	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 53' 39"	106° 05' 30"					F-48-81-A-a
thôn Phú Sơn	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 53' 43"	106° 05' 52"					F-48-81-A-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 53' 09"	106° 05' 06"					F-48-81-A-a
thôn Thuần Xuyên	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 52' 51"	106° 05' 51"					F-48-81-A-a
thôn Vinh Quang	DC	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào	20° 53' 18"	106° 06' 05"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
sông Kim Sơn	TV	xã Hưng Long	TX. Mỹ Hào			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
thôn Hoè Lâm	DC	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 54' 23"	106° 07' 42"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Lãng	DC	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 54' 49"	106° 07' 24"					F-48-81-A-a
thôn Nho Lâm	DC	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 53' 46"	106° 08' 06"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Bố	DC	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 54' 35"	106° 08' 21"					F-48-81-A-b
thôn Vô Ngại	DC	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 54' 02"	106° 07' 21"					F-48-81-A-a
đình Nho Lâm	KX	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào	20° 53' 50"	106° 08' 08"					F-48-81-A-b
sông Cầu Lường	TV	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào			20° 45' 58"	106° 06' 44"	20° 53' 55"	106° 07' 28"	F-48-81-A-a
sông Kim Sơn	TV	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Ngọc Lâm	TX. Mỹ Hào			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-b
thôn Xuân Bản	DC	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào	20° 54' 17"	106° 06' 41"					F-48-81-A-a
thôn Xuân Đào	DC	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào	20° 54' 38"	106° 06' 32"					F-48-81-A-a
thôn Xuân Nhân	DC	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào	20° 54' 23"	106° 06' 28"					F-48-81-A-a
chùa Xuân Nhân (chùa Sùng Bảo)	KX	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào	20° 54' 25"	106° 06' 23"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 387	KX	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu lưu niệm Tướng quân Nguyễn Thiện Thuật	KX	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào	20° 54' 25"	106° 06' 26"					F-48-81-A-a
sông Cầu Lường	TV	xã Xuân Dục	TX. Mỹ Hào			20° 45' 58"	106° 06' 44"	20° 53' 55"	106° 07' 28"	F-48-81-A-a
khu phố Bùi Thị Cúc	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 49' 11"	106° 05' 11"					F-48-81-A-c
khu phố Hoàng Văn Thụ	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 47"	106° 05' 07"					F-48-81-A-c
khu phố Nguyễn Trung Ngạn	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 57"	106° 05' 03"					F-48-81-A-c
khu phố Phạm Huy Thông	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 22"	106° 04' 36"					F-48-81-A-c
khu phố Phạm Ngũ Lão	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 49' 12"	106° 05' 25"					F-48-81-A-c
thôn Bình Trì	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 38"	106° 05' 51"					F-48-81-A-c
thôn Hoàng Cả	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 40"	106° 05' 01"					F-48-81-A-c
thôn Mai Xuyên	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 01"	106° 05' 49"					F-48-81-A-c
thôn Phú Thôn	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 45"	106° 05' 38"					F-48-81-A-c
thôn Quanh Thôn	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 49' 02"	106° 05' 05"					F-48-81-A-c
thôn Trung Thôn	DC	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 49' 08"	106° 05' 31"					F-48-81-A-c
cầu Bình Trì	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 48' 42"	106° 05' 45"					F-48-81-A-c
Cầu Ngói	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi	20° 49' 14"	106° 05' 30"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 386	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	TT. Ân Thi	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
Ấp 12	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 52' 09"	106° 08' 01"					F-48-81-A-d
Ấp Đòng	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 10"	106° 07' 21"					F-48-81-A-c
thôn Bối Khê	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 42"	106° 07' 07"					F-48-81-A-c
thôn Đào Quạt	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 52' 06"	106° 08' 21"					F-48-81-A-d
thôn Đỗ Mỹ	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 24"	106° 06' 55"					F-48-81-A-c
thôn Nhân Đòng	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 45"	106° 07' 51"					F-48-81-A-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiên Kiều	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 35"	106° 08' 16"					F-48-81-A-d
thôn Trại Giáo	DC	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 52' 00"	106° 07' 18"					F-48-81-A-c
đình Đào Quạt	KX	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 52' 01"	106° 08' 24"					F-48-81-A-d
đình Tiên Kiều	KX	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi	20° 51' 33"	106° 08' 17"					F-48-81-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
Đường tỉnh 387	KX	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
Quốc lộ 38	KX	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Bãi Sậy	H. Ân Thi			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-b, F-48-81-A-d
thôn An Đỗ	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 51' 35"	106° 06' 08"					F-48-81-A-c
thôn An Khải	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 51' 49"	106° 06' 03"					F-48-81-A-c
thôn Bên Sông	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 52' 27"	106° 05' 10"					F-48-81-A-c
thôn Cao Trai	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 52' 19"	106° 05' 08"					F-48-81-A-c
thôn Chu Xá	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 52' 56"	106° 06' 16"					F-48-81-A-a
thôn Phần Hà	DC	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi	20° 52' 22"	106° 05' 22"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 382	KX	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
Đường tỉnh 387	KX	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Bắc Sơn	H. Ân Thi			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
thôn Bình Xá	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 02"	106° 05' 30"					F-48-81-A-c
thôn Cẩm La	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 25"	106° 05' 03"					F-48-81-A-c
thôn Đông Bạn	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 19"	106° 05' 42"					F-48-81-A-c
thôn La Chàng	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 46' 58"	106° 05' 15"					F-48-81-A-c
thôn Lã Xá	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 46' 34"	106° 05' 21"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ninh Thôn	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 28"	106° 05' 32"					F-48-81-A-c
thôn Yên Xá	DC	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 46' 51"	106° 05' 21"					F-48-81-A-c
Chùa Xá	KX	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 29"	106° 04' 51"					F-48-81-A-c
Đền Xá	KX	xã Cẩm Ninh	H. Ân Thi	20° 47' 27"	106° 04' 52"					F-48-81-A-c
thôn An Dương	DC	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 52' 16"	106° 06' 32"					F-48-81-A-c
thôn Đào Xá	DC	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 12"	106° 05' 22"					F-48-81-A-c
thôn Nhuệ Giang	DC	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 21"	106° 04' 58"					F-48-81-A-c
thôn Phần Dương	DC	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 45"	106° 04' 31"					F-48-81-A-c
thôn Phần Lâm	DC	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 32"	106° 05' 33"					F-48-81-A-c
Cầu Vệ	KX	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 10"	106° 06' 00"					F-48-81-A-c
đình Đào Xá	KX	xã Đào Dương	H. Ân Thi	20° 51' 06"	106° 05' 26"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Đào Dương	H. Ân Thi			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 382	KX	xã Đào Dương	H. Ân Thi			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Đào Dương	H. Ân Thi			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Đào Dương	H. Ân Thi			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-c
thôn Bắc Cả	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 46' 37"	106° 07' 56"					F-48-81-A-d
thôn Bình Nguyên	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 46' 31"	106° 08' 37"					F-48-81-A-d
thôn Cựu Thị	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 47' 29"	106° 08' 26"					F-48-81-A-d
thôn Đa Lộc	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 47' 37"	106° 08' 18"					F-48-81-A-d
thôn Trạo Thôn	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 47' 07"	106° 07' 50"					F-48-81-A-d
thôn Trắc Điền	DC	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 46' 47"	106° 08' 20"					F-48-81-A-d
cầu Từ Ô	KX	xã Đa Lộc	H. Ân Thi	20° 47' 56"	106° 08' 24"					F-48-81-A-d
Đường huyện 63	KX	xã Đa Lộc	H. Ân Thi			20° 47' 38"	106° 08' 15"	20° 44' 59"	106° 06' 42"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 386	KX	xã Đa Lộc	H. Ân Thi			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-d
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Đa Lộc	H. Ân Thi			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-d
Phố Đìa	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 47' 54"	106° 04' 19"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Trạch	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 46' 49"	106° 04' 17"					F-48-81-A-c
thôn Cổ Lễ	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 46' 51"	106° 04' 32"					F-48-81-A-c
thôn Đặng Đình	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 47' 48"	106° 04' 26"					F-48-81-A-c
thôn Đặng Xuyên	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 47' 16"	106° 04' 20"					F-48-81-A-c
thôn Đới Khê	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 47' 10"	106° 04' 09"					F-48-81-A-c
thôn Nam Trì	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 47' 45"	106° 04' 18"					F-48-81-A-c
thôn Thọ Hội	DC	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi	20° 46' 39"	106° 04' 37"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Đường huyện 60	KX	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi			20° 48' 00"	106° 04' 15"	20° 44' 36"	106° 03' 30"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Đặng Lễ	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
Thôn 1	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 44' 24"	106° 06' 56"					F-48-81-C-a
Thôn 2	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 44' 34"	106° 06' 58"					F-48-81-C-a
Thôn 3	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 44' 53"	106° 07' 34"					F-48-81-C-b
Thôn 4	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 44' 56"	106° 07' 49"					F-48-81-C-b
Thôn 5	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 45' 14"	106° 08' 01"					F-48-81-A-d
Thôn 6	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 45' 09"	106° 08' 27"					F-48-81-A-d
Thôn 7	DC	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi	20° 45' 13"	106° 08' 38"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-C-a
sông Cửu An	TV	xã Hạ Lễ	H. Ân Thi			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-C-a, F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
thôn An Bá	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 36"	106° 06' 38"					F-48-81-A-c
thôn An Đạm	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 09"	106° 06' 02"					F-48-81-A-c
thôn Đanh Xá	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 31"	106° 07' 06"					F-48-81-A-c
thôn Đỗ Xuyên	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 18"	106° 06' 21"					F-48-81-A-c
thôn Minh Lý	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 23"	106° 06' 42"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tam Đô	DC	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 46"	106° 07' 07"					F-48-81-A-c
đình Đanh Xá	KX	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi	20° 49' 32"	106° 07' 05"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 386	KX	xã Hoàng Hoa Thám	H. Ân Thi			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-c
thôn Ân Thi 1	DC	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 43"	106° 06' 37"					F-48-81-C-a
thôn Ân Thi 2	DC	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 42"	106° 06' 20"					F-48-81-C-a
thôn Ân Thi 3	DC	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 40"	106° 06' 12"					F-48-81-C-a
thôn Trai Thôn	DC	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 52"	106° 06' 41"					F-48-81-C-a
thôn Vũ Dương	DC	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 41"	106° 06' 03"					F-48-81-C-a
Cầu Thi	KX	xã Hồng Quang	H. Ân Thi	20° 44' 51"	106° 06' 37"					F-48-81-C-a
Đường huyện 63	KX	xã Hồng Quang	H. Ân Thi			20° 47' 38"	106° 08' 15"	20° 44' 59"	106° 06' 42"	F-48-81-C-a, F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Hồng Quang	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Hồng Quang	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 377	KX	xã Hồng Quang	H. Ân Thi			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-C-a
sông Cửu An	TV	xã Hồng Quang	H. Ân Thi			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-C-a
thôn Đan Tràng	DC	xã Hồng Vân	H. Ân Thi	20° 45' 12"	106° 06' 51"					F-48-81-A-c
thôn Tân Viên	DC	xã Hồng Vân	H. Ân Thi	20° 45' 27"	106° 06' 46"					F-48-81-A-c
thôn Trà Phương	DC	xã Hồng Vân	H. Ân Thi	20° 45' 11"	106° 06' 34"					F-48-81-A-c
đền Trà Phương	KX	xã Hồng Vân	H. Ân Thi	20° 44' 56"	106° 06' 18"					F-48-81-C-a
Đình Đanh	KX	xã Hồng Vân	H. Ân Thi	20° 45' 09"	106° 06' 44"					F-48-81-A-c
Đường huyện 63	KX	xã Hồng Vân	H. Ân Thi			20° 47' 38"	106° 08' 15"	20° 44' 59"	106° 06' 42"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Hồng Vân	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Hồng Vân	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cửu An	TV	xã Hồng Vân	H. Ân Thi			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-C-a, F-48-81-A-d, F-48-81-A-c
thôn Gạo Bắc	DC	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 14"	106° 06' 46"					F-48-81-A-c
thôn Gạo Nam	DC	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 45' 55"	106° 06' 45"					F-48-81-A-c
thôn Lưu Xá	DC	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 45' 59"	106° 06' 28"					F-48-81-A-c
thôn Mão Cầu	DC	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 10"	106° 05' 59"					F-48-81-A-c
thôn Mão Đông	DC	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 32"	106° 06' 34"					F-48-81-A-c
cầu Gạo Bắc	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 23"	106° 06' 42"					F-48-81-A-c
đền Gạo Bắc	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 20"	106° 06' 45"					F-48-81-A-c
đền Mão Cầu	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 07"	106° 05' 51"					F-48-81-A-c
đền Mão Đông	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 35"	106° 06' 33"					F-48-81-A-c
đình Mão Cầu	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi	20° 46' 09"	106° 05' 50"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Hồ Tùng Mậu	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c
ấp Mễ Xá	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 47' 01"	106° 07' 25"					F-48-81-A-c
ấp Nhân Lý	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 47' 56"	106° 06' 56"					F-48-81-A-c
thôn Mão Xuyên	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 46' 55"	106° 06' 31"					F-48-81-A-c
thôn Mễ Xá	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 46' 57"	106° 06' 45"					F-48-81-A-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 47' 23"	106° 06' 30"					F-48-81-A-c
thôn Nhân Vũ	DC	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 47' 36"	106° 06' 14"					F-48-81-A-c
đền Nhân Vũ	KX	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi	20° 47' 45"	106° 05' 50"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 386	KX	xã Nguyễn Trãi	H. Ân Thi			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-c
thôn Đồng Mái	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 52' 22"	106° 06' 47"					F-48-81-A-c
thôn Hồng Lương	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 52' 55"	106° 06' 48"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Huệ Lai	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 47"	106° 07' 33"					F-48-81-A-b
thôn Kim Lũ	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 19"	106° 07' 51"					F-48-81-A-b
thôn La Mát	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 52' 34"	106° 07' 32"					F-48-81-A-b
thôn Phù Ủng	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 06"	106° 08' 36"					F-48-81-A-b
thôn Sa Lung	DC	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 35"	106° 08' 14"					F-48-81-A-b
cầu Cống Tranh 1	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 40"	106° 08' 14"					F-48-81-A-b
cầu Cống Tranh 2	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 31"	106° 08' 10"					F-48-81-A-b
Công ty Yên Hưng	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 19"	106° 08' 09"					F-48-81-A-b
đền Phù Ủng	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi	20° 53' 08"	106° 08' 30"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 382	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Phù Ủng	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-b, F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
sông Kim Sơn	TV	xã Phù Ủng	H. Ân Thi			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Phù Ủng	H. Ân Thi			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-b
thôn Bảo Tàng	DC	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi	20° 48' 05"	106° 04' 03"					F-48-81-A-c
thôn Bình Cầu	DC	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi	20° 49' 01"	106° 03' 44"					F-48-81-A-c
thôn Bình Hồ	DC	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi	20° 48' 25"	106° 03' 54"					F-48-81-A-c
thôn Lưu Xá	DC	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi	20° 48' 31"	106° 04' 08"					F-48-81-A-c
thôn Ngô Xá	DC	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi	20° 48' 58"	106° 03' 28"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Quảng Lãng	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
Áp Phú	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 49' 49"	106° 04' 51"					F-48-81-A-c
thôn Đỗ Hạ	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 49' 51"	106° 05' 40"					F-48-81-A-c
thôn Đỗ Thượng	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 50' 08"	106° 05' 50"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Gia Cốc	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 50' 19"	106° 05' 44"					F-48-81-A-c
thôn Ngọc Châu	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 50' 21"	106° 05' 06"					F-48-81-A-c
thôn Phú Cốc	DC	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 49' 42"	106° 05' 21"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Quang Vinh	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376 (mới)	KX	xã Quang Vinh	H. Ân Thi			20° 49' 24"	106° 05' 35"	20° 44' 01"	106° 06' 36"	F-48-81-A-c
nhà thờ họ Đỗ	KX	xã Quang Vinh	H. Ân Thi	20° 50' 02"	106° 05' 52"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Quang Vinh	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
thôn Đồng Mối	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 50' 33"	106° 06' 57"					F-48-81-A-c
thôn Ngọc Nhuế	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 50' 54"	106° 06' 29"					F-48-81-A-c
thôn Ninh Đạo	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 50' 52"	106° 06' 46"					F-48-81-A-c
thôn Phúc Tá	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 50' 44"	106° 06' 18"					F-48-81-A-c
thôn Thị Tân	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 51' 06"	106° 06' 03"					F-48-81-A-c
thôn Vệ Dương	DC	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 50' 27"	106° 07' 19"					F-48-81-A-c
Cầu Vệ	KX	xã Tân Phúc	H. Ân Thi	20° 51' 10"	106° 06' 00"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Phúc	H. Ân Thi			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Tân Phúc	H. Ân Thi			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Tân Phúc	H. Ân Thi			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
thôn Bích Tràng	DC	xã Tiền Phong	H. Ân Thi	20° 45' 30"	106° 08' 11"					F-48-81-A-d
thôn Bình Lăng	DC	xã Tiền Phong	H. Ân Thi	20° 46' 04"	106° 08' 32"					F-48-81-A-d
thôn Bình Xá	DC	xã Tiền Phong	H. Ân Thi	20° 46' 23"	106° 08' 14"					F-48-81-A-d
Đường huyện 63	KX	xã Tiền Phong	H. Ân Thi			20° 47' 38"	106° 08' 15"	20° 44' 59"	106° 06' 42"	F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Tiền Phong	H. Ân Thi			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-d
ấp Tân Dân	DC	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi	20° 48' 23"	106° 06' 57"					F-48-81-A-c
thôn Anh Nhuệ	DC	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi	20° 49' 30"	106° 07' 48"					F-48-81-A-d
thôn Hoàng Xuyên	DC	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi	20° 48' 11"	106° 07' 57"					F-48-81-A-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Văn Nhuệ	DC	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi	20° 48' 42"	106° 07' 48"					F-48-81-A-d
thôn Văn Trạch	DC	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi	20° 49' 19"	106° 08' 05"					F-48-81-A-d
Đường huyện 63	KX	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi			20° 47' 38"	106° 08' 15"	20° 44' 59"	106° 06' 42"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 386	KX	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-c, F-48-81-A-d
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Văn Nhuệ	H. Ân Thi			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-d
thôn Cao Trai	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 51' 02"	106° 04' 21"					F-48-81-A-c
thôn Cao Vân	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 46"	106° 03' 45"					F-48-81-A-c
thôn Du Mỹ	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 48"	106° 04' 20"					F-48-81-A-c
thôn Đặng Xá	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 10"	106° 04' 03"					F-48-81-A-c
thôn Đường Thôn	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 25"	106° 04' 28"					F-48-81-A-c
thôn Kênh Bối	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 39"	106° 04' 32"					F-48-81-A-c
thôn Tòng Củ	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 51' 15"	106° 04' 16"					F-48-81-A-c
thôn Trâm Nhị	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 50' 21"	106° 04' 03"					F-48-81-A-c
thôn Vân Mạc	DC	xã Vân Du	H. Ân Thi	20° 51' 09"	106° 04' 08"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Vân Du	H. Ân Thi			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Vân Du	H. Ân Thi			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Vân Du	H. Ân Thi			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-81-A-c
thôn Cù Tu	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 50' 20"	106° 03' 28"					F-48-81-A-c
thôn Trúc Đình	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 50' 13"	106° 03' 30"					F-48-81-A-c
thôn Trúc Lẻ	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 49"	106° 03' 10"					F-48-81-A-c
thôn Trúc Nội	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 53"	106° 03' 25"					F-48-81-A-c
thôn Tượng Cước	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 07"	106° 02' 44"					F-48-81-A-c
thôn Xuân Nguyên	DC	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 47"	106° 03' 31"					F-48-81-A-c
đình Cù Tu	KX	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 50' 24"	106° 03' 26"					F-48-81-A-c
đình Tượng Cước	KX	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 07"	106° 02' 39"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-81-A-c
Trung tâm Giáo dục Chữa bệnh xã hội tỉnh Hưng Yên	KX	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi	20° 49' 25"	106° 02' 04"					F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Xuân Trúc	H. Ân Thi			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
khu phố Thông Quan Hạ	DC	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu	20° 49' 40"	105° 58' 53"					F-48-80-B-d
khu phố Thông Quan Thượng	DC	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu	20° 50' 10"	105° 58' 46"					F-48-80-B-d
khu phố Vinh Quang	DC	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu	20° 50' 13"	105° 58' 12"					F-48-80-B-d
khu phố Phủ	DC	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu	20° 50' 22"	105° 58' 28"					F-48-80-B-d
đền Thông Quan Hạ	KX	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu	20° 49' 45"	105° 58' 52"					F-48-80-B-d
đường Nguyễn Khoái	KX	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu			20° 50' 32"	105° 58' 41"	20° 50' 00"	105° 57' 52"	F-48-80-B-d
đường Sài Thị	KX	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu			20° 50' 30"	105° 58' 24"	20° 49' 26"	105° 58' 54"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 383	KX	TT. Khoái Châu	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d
thôn An Thái	DC	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 53"	105° 58' 46"					F-48-80-B-d
Thôn Hạ	DC	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 35"	105° 58' 17"					F-48-80-B-d
Thôn Thượng	DC	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 50"	105° 58' 01"					F-48-80-B-d
Thôn Trung	DC	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 38"	105° 58' 03"					F-48-80-B-d
Đình Trung	KX	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 36"	105° 58' 04"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã An Vĩ	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 383	KX	xã An Vĩ	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d
lăng Nguyễn Bá Khanh	KX	xã An Vĩ	H. Khoái Châu	20° 50' 39"	105° 58' 24"					F-48-80-B-d
thôn An Cảnh	DC	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu	20° 49' 17"	105° 57' 56"					F-48-80-B-d
thôn Bình Kiều	DC	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu	20° 49' 14"	105° 58' 12"					F-48-80-B-d
thôn Ninh Vũ	DC	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu	20° 48' 42"	105° 58' 10"					F-48-80-B-d
thôn Phú Hoà	DC	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu	20° 49' 55"	105° 57' 28"					F-48-80-B-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 383	KX	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 384	KX	xã Bình Kiều	H. Khoái Châu			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-80-B-d
thôn Bằng Nha	DC	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 53' 05"	105° 56' 00"					F-48-80-B-b
thôn Đa Hoà	DC	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 52' 41"	105° 56' 14"					F-48-80-B-b
thôn Thiết Trụ	DC	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 53' 25"	105° 55' 38"					F-48-80-B-b
bến khách ngang sông Bình Minh	KX	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 53' 02"	105° 55' 18"					F-48-80-B-b
đền Đa Hoà	KX	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 52' 53"	105° 55' 35"					F-48-80-B-b
đền Thiết Trụ	KX	xã Bình Minh	H. Khoái Châu	20° 53' 18"	105° 55' 48"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Bình Minh	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b, F-48-80-B-d
Đường tỉnh 382	KX	xã Bình Minh	H. Khoái Châu			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-80-B-b
Sông Hồng	TV	xã Bình Minh	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-b, F-48-80-B-d
thôn Cốc Phong	DC	xã Chí Tân	H. Khoái Châu	20° 47' 09"	105° 58' 00"					F-48-80-B-d
thôn Nghi Xuyên	DC	xã Chí Tân	H. Khoái Châu	20° 46' 59"	105° 58' 08"					F-48-80-B-d
thôn Tân Hưng	DC	xã Chí Tân	H. Khoái Châu	20° 47' 09"	105° 58' 33"					F-48-80-B-d
Chùa Cót	KX	xã Chí Tân	H. Khoái Châu	20° 47' 10"	105° 57' 37"					F-48-80-B-d
Đền Cót	KX	xã Chí Tân	H. Khoái Châu	20° 47' 06"	105° 57' 36"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Chí Tân	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Sông Đào	TV	xã Chí Tân	H. Khoái Châu			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 46' 38"	105° 59' 45"	F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Chí Tân	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
Ấp Vĩnh	DC	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu	20° 52' 25"	105° 57' 10"					F-48-80-B-d
thôn Đức Nhuận	DC	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu	20° 52' 42"	105° 57' 25"					F-48-80-B-b
thôn Yên Vĩnh	DC	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu	20° 51' 49"	105° 56' 39"					F-48-80-B-d
đền Dạ Trạch	KX	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu	20° 51' 57"	105° 56' 46"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-b, F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Dạ Trạch	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn An Bình	DC	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 32"	106° 00' 02"					F-48-81-A-c
thôn Đào Viên	DC	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 07"	106° 00' 26"					F-48-81-A-c
thôn Mậu Lâm	DC	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 56"	106° 00' 10"					F-48-81-A-c
thôn Vân Trì	DC	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 30"	106° 00' 23"					F-48-81-A-c
thôn Yên Lịch	DC	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 42"	106° 00' 35"					F-48-81-A-c
cầu Đào Viên	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 11"	106° 00' 36"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 379	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-80-B-d, F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 38"	106° 00' 17"					F-48-81-A-c
Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Thuỷ lợi	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 15"	106° 00' 36"					F-48-81-A-c
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	KX	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 51"	106° 00' 19"					F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Dân Tiến	H. Khoái Châu			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
Thôn 1	DC	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 29"	105° 59' 05"					F-48-80-B-d
Thôn 2	DC	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 21"	105° 59' 08"					F-48-80-B-d
Thôn 3	DC	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 27"	105° 59' 22"					F-48-80-B-d
Thôn 4	DC	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 13"	105° 59' 16"					F-48-80-B-d
đền Đại Quan	KX	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 31"	105° 59' 02"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Đại Hưng	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
thôn Chi Lăng	DC	xã Đại Tập	H. Khoái Châu	20° 47' 27"	105° 56' 46"					F-48-80-B-d
thôn Lãnh Điền	DC	xã Đại Tập	H. Khoái Châu	20° 47' 58"	105° 57' 07"					F-48-80-B-d
thôn Minh Khai	DC	xã Đại Tập	H. Khoái Châu	20° 47' 22"	105° 57' 18"					F-48-80-B-d
thôn Ninh Tập	DC	xã Đại Tập	H. Khoái Châu	20° 47' 22"	105° 56' 08"					F-48-80-B-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Đại Tập	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn Đông Kết	DC	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 11"	105° 56' 34"					F-48-80-B-d
thôn Hồng Thái	DC	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 44"	105° 57' 02"					F-48-80-B-d
thôn Lạc Thuỷ	DC	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 28"	105° 57' 15"					F-48-80-B-d
thôn Trung Châu	DC	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 17"	105° 56' 19"					F-48-80-B-d
chùa Lạc Thuỷ	KX	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 04"	105° 56' 36"					F-48-80-B-d
Đền Hậu	KX	xã Đông Kết	H. Khoái Châu	20° 49' 29"	105° 56' 28"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Đông Kết	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 383	KX	xã Đông Kết	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d
thôn Duyên Linh	DC	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu	20° 47' 45"	105° 55' 47"					F-48-80-B-d
thôn Nhân Lý	DC	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu	20° 48' 17"	105° 55' 52"					F-48-80-B-d
thôn Nội Doanh	DC	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu	20° 48' 08"	105° 55' 19"					F-48-80-B-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu	20° 48' 32"	105° 56' 10"					F-48-80-B-d
thôn Tử Lý	DC	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu	20° 48' 01"	105° 55' 51"					F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Đông Ninh	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn Dũng Tiến	DC	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu	20° 54' 03"	105° 56' 53"					F-48-80-B-b
thôn Đông Kim	DC	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu	20° 53' 41"	105° 57' 16"					F-48-80-B-b
thôn Đông Tảo Đông	DC	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu	20° 53' 29"	105° 57' 31"					F-48-80-B-b
thôn Đông Tảo Nam	DC	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu	20° 53' 20"	105° 57' 04"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 377	KX	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 382	KX	xã Đông Tảo	H. Khoái Châu			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-80-B-b
thôn An Lạc	DC	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 03"	106° 00' 55"					F-48-81-A-c
thôn Kim Tháp	DC	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 15"	106° 00' 45"					F-48-81-A-c
thôn Thổ Khối	DC	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 05"	106° 00' 35"					F-48-81-A-c
cầu Đào Viên	KX	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 50' 11"	106° 00' 36"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền An Lạc	KX	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 55"	106° 00' 42"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Đồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
thôn An Cảnh	DC	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu	20° 50' 45"	105° 56' 58"					F-48-80-B-d
thôn Đức Nhuận	DC	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu	20° 50' 55"	105° 57' 15"					F-48-80-B-d
thôn Hàm Tử	DC	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu	20° 51' 08"	105° 56' 25"					F-48-80-B-d
thôn Xuân Đình	DC	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu	20° 51' 24"	105° 56' 27"					F-48-80-B-d
đền Hàm Tử	KX	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu	20° 51' 11"	105° 56' 19"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Hàm Tử	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thị tứ Bô Thời	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 28"	106° 00' 45"					F-48-81-A-c
thôn Cao Quán	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 39"	106° 01' 05"					F-48-81-A-c
thôn Đỗ Xá	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 04"	106° 01' 18"					F-48-81-A-c
thôn Vân Cầu	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 15"	106° 00' 43"					F-48-81-A-c
thôn Vân Ngoại	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 16"	106° 01' 06"					F-48-81-A-c
thôn Vân Nội	DC	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 12"	106° 01' 05"					F-48-81-A-c
đình Vân Ngoại	KX	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 17"	106° 01' 05"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 384	KX	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-81-A-c
nhà thờ Bà Hoàng Thị Loan	KX	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu	20° 49' 15"	106° 00' 55"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Hồng Tiến	H. Khoái Châu			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bối Khê	DC	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 58"	105° 56' 47"					F-48-80-B-d
thôn Cẩm Bối	DC	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 45"	105° 57' 54"					F-48-80-B-d
thôn Cẩm Khê	DC	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 46"	105° 56' 57"					F-48-80-B-d
thôn Kênh Hạ	DC	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 04"	105° 57' 55"					F-48-80-B-d
thôn Kênh Thượng	DC	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 16"	105° 57' 33"					F-48-80-B-d
chùa Bối Khê	KX	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 58"	105° 56' 41"					F-48-80-B-d
đình Bối Khê	KX	xã Liên Khê	H. Khoái Châu	20° 48' 58"	105° 56' 44"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Liên Khê	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 384	KX	xã Liên Khê	H. Khoái Châu			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-80-B-d
thôn Lan Đình	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 55"	105° 58' 27"					F-48-80-B-d
thôn Lê Lợi	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 53"	105° 59' 12"					F-48-80-B-d
thôn Phú Cường	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 43"	105° 58' 43"					F-48-80-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 44"	105° 59' 29"					F-48-80-B-d
thôn Thành Công	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 57"	105° 59' 01"					F-48-80-B-d
thôn Tiền Phong	DC	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 39"	105° 59' 49"					F-48-80-B-d
đền Nhuế Dương	KX	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 51"	105° 59' 11"					F-48-80-B-d
đình Nhuế Dương	KX	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu	20° 45' 48"	105° 59' 12"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Nhuế Dương	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
Thôn 1	DC	xã Ông Đình	H. Khoái Châu	20° 51' 15"	105° 58' 29"					F-48-80-B-d
Thôn 2	DC	xã Ông Đình	H. Khoái Châu	20° 51' 26"	105° 57' 54"					F-48-80-B-d
Thôn 3	DC	xã Ông Đình	H. Khoái Châu	20° 51' 11"	105° 57' 31"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Ông Đình	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 383	KX	xã Ông Đình	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d
thị tứ Phùng Hưng	DC	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 49' 26"	105° 59' 15"					F-48-80-B-d
thôn Kim Quan	DC	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 48' 33"	105° 59' 12"					F-48-80-B-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Nha Hạ	DC	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 57"	105° 59' 04"					F-48-80-B-d
thôn Ngọc Nha Thượng	DC	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 48' 13"	105° 59' 09"					F-48-80-B-d
thôn Tiểu Quan	DC	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 49' 17"	105° 59' 24"					F-48-80-B-d
đình Ngọc Nha Thượng	KX	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu	20° 48' 22"	105° 59' 20"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 384	KX	xã Phùng Hưng	H. Khoái Châu			20° 51' 03"	106° 06' 31"	20° 48' 03"	105° 57' 35"	F-48-80-B-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 48' 54"	105° 55' 02"					F-48-80-B-d
thôn Hồng Quang	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 48' 40"	105° 55' 33"					F-48-80-B-d
thôn Kiến Châu	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 49' 26"	105° 54' 55"					F-48-80-B-d
thôn Mãn Hoà	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 49' 27"	105° 55' 16"					F-48-80-B-d
thôn Toàn Thắng	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 49' 17"	105° 55' 49"					F-48-80-B-d
thôn Trưng Vương	DC	xã Tân Châu	H. Khoái Châu	20° 48' 24"	105° 55' 11"					F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Tân Châu	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn An Dân	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 57"	105° 59' 13"					F-48-80-B-d
thôn Bãi Sậy 1	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 53"	105° 57' 56"					F-48-80-B-d
thôn Bãi Sậy 2	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 52' 01"	105° 58' 05"					F-48-80-B-d
thôn Bãi Sậy 3	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 52' 26"	105° 57' 59"					F-48-80-B-d
thôn Bình Dân	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 49"	105° 59' 33"					F-48-80-B-d
thôn Dương Trạch	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 41"	105° 58' 30"					F-48-80-B-d
thôn Thọ Bình	DC	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 28"	105° 59' 34"					F-48-80-B-d
Di tích lịch sử Văn Chỉ Bình Dân	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 51' 42"	105° 59' 36"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d
Đường tỉnh 379	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-d, F-48-81-A-c
Đường tỉnh 383	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-80-B-d, F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	KX	xã Tân Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 51"	106° 00' 19"					F-48-81-A-c
thôn Hương Quất 1	DC	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 20"	105° 59' 32"					F-48-80-B-d
thôn Hương Quất 2	DC	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 17"	105° 59' 47"					F-48-80-B-d
thôn Quan Xuyên	DC	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 16"	105° 58' 44"					F-48-80-B-d
thôn Sài Quất	DC	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 18"	105° 59' 11"					F-48-80-B-d
đền Hương Quất	KX	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 18"	105° 59' 37"					F-48-80-B-d
đình Quan Xuyên	KX	xã Thành Công	H. Khoái Châu	20° 46' 26"	105° 58' 38"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Thành Công	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 378	KX	xã Thành Công	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
sông Cửu An	TV	xã Thành Công	H. Khoái Châu			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c
Sông Hồng	TV	xã Thành Công	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
Thôn 1	DC	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 47' 03"	105° 59' 11"					F-48-80-B-d
Thôn 2	DC	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 52"	105° 59' 16"					F-48-80-B-d
Thôn 3	DC	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 41"	105° 59' 23"					F-48-80-B-d
Thôn 4	DC	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 27"	105° 59' 33"					F-48-80-B-d
Thôn 5	DC	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 46"	105° 58' 37"					F-48-80-B-d
chùa Thuần Lễ	KX	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 57"	105° 59' 13"					F-48-80-B-d
đền Sài Thị	KX	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu	20° 46' 35"	105° 59' 26"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 377	KX	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-d, F-48-81-A-c
sông Cửu An	TV	xã Thuần Hưng	H. Khoái Châu			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-80-B-d, F-48-81-A-c
thôn Mạn Đường	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 44"	105° 56' 03"					F-48-80-B-d
thôn Mạn Xuyên	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 49' 59"	105° 55' 57"					F-48-80-B-d
thôn Năm Mẫu	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 49' 50"	105° 54' 51"					F-48-80-B-d
thôn Phương Đường	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 49"	105° 55' 59"					F-48-80-B-d

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Trù	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 30"	105° 55' 34"					F-48-80-B-d
thôn Toàn Thắng	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 09"	105° 55' 47"					F-48-80-B-d
thôn Trần Phú	DC	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 49' 47"	105° 55' 49"					F-48-80-B-d
bến khách ngang sông Phương Trù	KX	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu	20° 50' 42"	105° 55' 18"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Tứ Dân	H. Khoái Châu			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn Lôi Cầu	DC	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu	20° 48' 33"	106° 01' 25"					F-48-81-A-c
thôn Vân Trì	DC	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu	20° 49' 10"	106° 00' 29"					F-48-81-A-c
thôn Yên Khê	DC	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu	20° 48' 33"	106° 01' 03"					F-48-81-A-c
thôn Yên Trung	DC	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu	20° 48' 51"	106° 00' 47"					F-48-81-A-c
đình Yên Khê	KX	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu	20° 48' 36"	106° 01' 02"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Việt Hoà	H. Khoái Châu			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
thôn Bằng Ngang	DC	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 15"	106° 03' 58"					F-48-81-C-a
thôn Đồng Lý	DC	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 27"	106° 03' 59"					F-48-81-C-a
thôn Động Xá	DC	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 26"	106° 04' 24"					F-48-81-C-a
thôn Lương Hội	DC	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 33"	106° 03' 23"					F-48-81-C-a
cầu Mai Viên	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 46"	106° 03' 12"					F-48-81-C-a
cầu Mai Xá	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 02"	106° 03' 06"					F-48-81-C-a
đình Đồng Lý	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động	20° 44' 33"	106° 04' 13"					F-48-81-C-a
Đường huyện 60	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 48' 00"	106° 04' 15"	20° 44' 36"	106° 03' 30"	F-48-81-C-a
Đường huyện 71	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 44' 01"	106° 03' 17"	20° 44' 42"	105° 58' 32"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 377	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
sông Cửu An	TV	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Điện Biên	TV	TT. Lương Bằng	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-C-a
thôn Dưỡng Phú	DC	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 23"	106° 04' 08"					F-48-81-A-c
thôn Tạ Hạ	DC	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 06"	106° 04' 23"					F-48-81-A-c
thôn Tạ Thượng	DC	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 32"	106° 03' 09"					F-48-81-A-c
thôn Tạ Trung	DC	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 00"	106° 03' 46"					F-48-81-A-c
chùa Dưỡng Phú	KX	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 33"	106° 04' 09"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Đường huyện 60	KX	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động			20° 48' 00"	106° 04' 15"	20° 44' 36"	106° 03' 30"	F-48-81-A-c
Miếu Mái	KX	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động	20° 45' 21"	106° 04' 25"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
sông Cửu An	TV	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
sông Điện Biên	TV	xã Chính Nghĩa	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
thôn Bùi Xá	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 45' 29"	106° 00' 52"					F-48-81-A-c
thôn Công Luận	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 44' 38"	106° 00' 53"					F-48-81-C-a
thôn Thái Hoà	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 45' 09"	106° 00' 16"					F-48-81-A-c
thôn Thanh Sầm	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 44' 58"	106° 00' 32"					F-48-81-C-a
thôn Vĩnh Đồng	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 45' 42"	106° 01' 16"					F-48-81-A-c
thôn Vĩnh Tiền	DC	xã Đồng Thanh	H. Kim Động	20° 45' 12"	106° 01' 16"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 377	KX	xã Đồng Thanh	H. Kim Động			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-A-c
sông Cửu An	TV	xã Đồng Thanh	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Đồng Thanh	H. Kim Động			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
thôn An Lạc	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 49"	105° 59' 28"					F-48-80-D-b
thôn Bông Hạ	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 36"	105° 59' 42"					F-48-80-D-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bông Ngoại	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 22"	105° 59' 17"					F-48-80-D-b
thôn Bông Thượng	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 44"	105° 59' 17"					F-48-80-D-b
thôn Đông Khu	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 02"	105° 59' 54"					F-48-80-D-b
thôn Đồng Thượng	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 44' 07"	105° 59' 40"					F-48-80-D-b
thôn Đồng Thượng Hạ	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 44' 03"	105° 59' 40"					F-48-80-D-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 42' 37"	105° 59' 18"					F-48-80-D-b
Thôn Sòi	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 13"	105° 59' 07"					F-48-80-D-b
thôn Tam Đa	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 11"	105° 59' 30"					F-48-80-D-b
thôn Thái Hoà	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 42' 46"	105° 59' 41"					F-48-80-D-b
thôn Trung Khu	DC	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 43' 15"	105° 59' 19"					F-48-80-D-b
bến khách ngang sông Giáng	KX	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 42' 37"	105° 59' 01"					F-48-80-D-b
đình Đồng Hạ	KX	xã Đức Hợp	H. Kim Động	20° 44' 00"	105° 59' 42"					F-48-80-D-b
Đường huyện 71	KX	xã Đức Hợp	H. Kim Động			20° 44' 01"	106° 03' 17"	20° 44' 42"	105° 58' 32"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Đức Hợp	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-D-b
Sông Hồng	TV	xã Đức Hợp	H. Kim Động			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-D-b
thôn Đống Lương	DC	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 42' 47"	106° 04' 10"					F-48-81-C-a
thôn Lương Xá	DC	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 42' 07"	106° 04' 16"					F-48-81-C-a
thôn Tiên Cầu	DC	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 43' 17"	106° 03' 14"					F-48-81-C-a
thôn Trà Lâm	DC	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 42' 57"	106° 03' 27"					F-48-81-C-a
xóm Trại Năm	DC	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 41' 52"	106° 03' 56"					F-48-81-C-a
chùa Trà Lâm	KX	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 43' 04"	106° 03' 21"					F-48-81-C-a
đền Vũ Tiên Công	KX	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 43' 18"	106° 03' 11"					F-48-81-C-a
lăng Vũ Tiên Công	KX	xã Hiệp Cường	H. Kim Động	20° 43' 18"	106° 03' 12"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Hiệp Cường	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
sông Điện Biên	TV	xã Hiệp Cường	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đống Long	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 47"	106° 00' 27"					F-48-81-C-a
thôn Lai Hạ	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 22"	106° 00' 15"					F-48-81-C-a
thôn Ninh Phúc	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 56"	106° 00' 46"					F-48-81-C-a
thôn Phục Lễ	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 33"	105° 59' 59"					F-48-80-D-b
thôn Phương Tòng	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 13"	106° 00' 53"					F-48-81-C-a
thôn Tả Hà	DC	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 08"	106° 00' 21"					F-48-81-C-a
chùa Đống Long	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 43"	106° 00' 25"					F-48-81-C-a
chùa Phương Tòng	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 14"	106° 00' 36"					F-48-81-C-a
Cầu Luận	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 44' 24"	106° 00' 52"					F-48-81-C-a
đình Đống Long	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 44"	106° 00' 26"					F-48-81-C-a
đình Ninh Phúc	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 49"	106° 00' 44"					F-48-81-C-a
đình Phục Lễ	KX	xã Hùng An	H. Kim Động	20° 43' 31"	106° 00' 07"					F-48-81-C-a
Đường huyện 71	KX	xã Hùng An	H. Kim Động			20° 44' 01"	106° 03' 17"	20° 44' 42"	105° 58' 32"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Hùng An	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	xã Hùng An	H. Kim Động			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
sông Kim Ngưu	TV	xã Hùng An	H. Kim Động			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-C-a
thôn Hạnh Lâm	DC	xã Mai Động	H. Kim Động	20° 43' 55"	105° 58' 36"					F-48-80-D-b
thôn Nho Lâm	DC	xã Mai Động	H. Kim Động	20° 43' 57"	105° 59' 03"					F-48-80-D-b
thôn Vân Nghệ	DC	xã Mai Động	H. Kim Động	20° 42' 43"	105° 58' 07"					F-48-80-D-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Mai Động	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-D-b
Sông Hồng	TV	xã Mai Động	H. Kim Động			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-D-b
thôn Đào Lâm	DC	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 48' 45"	106° 02' 41"					F-48-81-A-c
thôn Đào Xá	DC	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 48' 09"	106° 03' 05"					F-48-81-A-c
thôn Thổ Cầu	DC	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 47' 30"	106° 03' 06"					F-48-81-A-c
thôn Trúc Cầu	DC	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 47' 37"	106° 03' 09"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Trương Xá	KX	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 47' 32"	106° 02' 42"					F-48-81-A-c
đình Thổ Cầu	KX	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động	20° 47' 24"	106° 03' 08"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Nghĩa Dân	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
thôn Duyên Yên	DC	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 11"	106° 01' 55"					F-48-81-C-a
thôn Ngọc Đồng	DC	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 17"	106° 01' 18"					F-48-81-C-a
thôn Phượng Lâu	DC	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 42' 47"	106° 02' 46"					F-48-81-C-a
thôn Thanh Cù	DC	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 20"	106° 02' 37"					F-48-81-C-a
đình Duyên Yên	KX	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 07"	106° 02' 04"					F-48-81-C-a
đình Thanh Cù	KX	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 24"	106° 02' 37"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
Trung tâm Điều dưỡng Tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên	KX	xã Ngọc Thanh	H. Kim Động	20° 43' 14"	106° 01' 34"					F-48-81-C-a
Thôn Giang	DC	xã Nhân La	H. Kim Động	20° 45' 58"	106° 04' 36"					F-48-81-A-c
Thôn Mát	DC	xã Nhân La	H. Kim Động	20° 45' 12"	106° 04' 59"					F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Nhân La	H. Kim Động			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Đường huyện 60	KX	xã Nhân La	H. Kim Động			20° 48' 00"	106° 04' 15"	20° 44' 36"	106° 03' 30"	F-48-81-A-c
thôn Cốc Khê	DC	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động	20° 46' 22"	106° 03' 27"					F-48-81-A-c
thôn Cốc Ngang	DC	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động	20° 46' 18"	106° 02' 46"					F-48-81-A-c
thôn Phú Cốc	DC	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động	20° 46' 54"	106° 03' 26"					F-48-81-A-c
thôn Tiên Quán	DC	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động	20° 45' 34"	106° 02' 18"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c
sông Cửu An	TV	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Điện Biên	TV	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Phạm Ngũ Lão	H. Kim Động			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
thôn Phú Cường	DC	xã Phú Thịnh	H. Kim Động	20° 44' 38"	105° 58' 19"					F-48-80-D-b
thôn Quảng Lạc	DC	xã Phú Thịnh	H. Kim Động	20° 44' 53"	105° 58' 33"					F-48-80-D-b
thôn Trung Hoà	DC	xã Phú Thịnh	H. Kim Động	20° 44' 55"	105° 59' 09"					F-48-80-D-b
đền Đức Thánh Cả	KX	xã Phú Thịnh	H. Kim Động	20° 44' 43"	105° 58' 35"					F-48-80-D-b
Đường huyện 71	KX	xã Phú Thịnh	H. Kim Động			20° 44' 01"	106° 03' 17"	20° 44' 42"	105° 58' 32"	F-48-80-D-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Phú Thịnh	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d, F-48-80-D-b
Sông Hồng	TV	xã Phú Thịnh	H. Kim Động			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d, F-48-80-D-b
thôn Hoàng Độc	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 26"	106° 01' 28"					F-48-81-C-a
thôn Mai Viên	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 43"	106° 02' 53"					F-48-81-C-a
thôn Mai Xá	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 13"	106° 02' 56"					F-48-81-C-a
thôn Miêu Nha	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 41"	106° 02' 02"					F-48-81-C-a
thôn Phán Thuỷ	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 45' 03"	106° 01' 52"					F-48-81-A-c
thôn Thanh Xuân	DC	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 00"	106° 02' 58"					F-48-81-C-a
Bệnh viện Tâm Thần Kinh	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 19"	106° 01' 55"					F-48-81-C-a
cầu Mai Viên	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 46"	106° 03' 12"					F-48-81-C-a
cầu Mai Xá	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 02"	106° 03' 06"					F-48-81-C-a
đình Mai Viên	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 44"	106° 02' 49"					F-48-81-C-a
đình Mai Xá	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 13"	106° 02' 55"					F-48-81-C-a
đình Phán Thuỷ	KX	xã Song Mai	H. Kim Động	20° 44' 58"	106° 01' 48"					F-48-81-C-a
Đường huyện 71	KX	xã Song Mai	H. Kim Động			20° 44' 01"	106° 03' 17"	20° 44' 42"	105° 58' 32"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 377	KX	xã Song Mai	H. Kim Động			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cửu An	TV	xã Song Mai	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c, F-48-81-C-a
thôn Bắc Phú	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 15"	105° 59' 15"					F-48-80-B-d
thôn Đông Hưng	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 17"	105° 59' 43"					F-48-80-B-d
thôn Nam Phú	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 06"	105° 59' 28"					F-48-80-B-d
thôn Phú Khê	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 18"	105° 58' 18"					F-48-80-B-d
thôn Tây Thịnh 2	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 19"	105° 58' 47"					F-48-80-B-d
thôn Tây Thịnh 3	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 12"	105° 58' 54"					F-48-80-B-d
thôn Tây Tiến	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 35"	105° 58' 53"					F-48-80-B-d
thôn Thọ Quang	DC	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 24"	105° 59' 11"					F-48-80-B-d
bến khách ngang sông Thọ Vinh	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 35"	105° 58' 01"					F-48-80-B-d
chùa Thọ Quang	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 23"	105° 59' 09"					F-48-80-B-d
đình Phú Khê	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 22"	105° 58' 15"					F-48-80-B-d
đình Thọ Nham Hạ	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 12"	105° 59' 10"					F-48-80-B-d
đình Thọ Quang	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động	20° 45' 20"	105° 59' 11"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 378	KX	xã Thọ Vinh	H. Kim Động			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-d
Sông Hồng	TV	xã Thọ Vinh	H. Kim Động			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-d
thôn An Xá	DC	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 10"	106° 02' 14"					F-48-81-A-c
thôn Đồng An	DC	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 38"	106° 02' 08"					F-48-81-A-c
thôn Nghĩa Giang	DC	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 53"	106° 02' 17"					F-48-81-A-c
thôn Trương Xá	DC	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 35"	106° 02' 20"					F-48-81-A-c
cầu Trương Xá	KX	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 32"	106° 02' 42"					F-48-81-A-c
chùa Phổ Chiếu	KX	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 16"	106° 02' 13"					F-48-81-A-c
đình An Xá	KX	xã Toàn Thắng	H. Kim Động	20° 47' 07"	106° 02' 12"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 38	KX	xã Toàn Thắng	H. Kim Động			20° 53' 40"	106° 08' 14"	20° 39' 33"	106° 02' 00"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Toàn Thắng	H. Kim Động			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Điện Biên	TV	xã Toàn Thắng	H. Kim Động			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Toàn Thắng	H. Kim Động			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
thôn Đào Xá	DC	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 47' 06"	106° 01' 21"					F-48-81-A-c
thôn Ngô Xá	DC	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 47' 10"	106° 01' 09"					F-48-81-A-c
thôn Vĩnh Hậu	DC	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 46' 13"	106° 01' 18"					F-48-81-A-c
chùa Đào Xá	KX	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 47' 00"	106° 01' 32"					F-48-81-A-c
chùa Ngô Xá	KX	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 46' 57"	106° 00' 55"					F-48-81-A-c
đền Đào Xá	KX	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 46' 59"	106° 01' 20"					F-48-81-A-c
đình Ngô Xá	KX	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động	20° 47' 06"	106° 01' 12"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 377	KX	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-A-c
sông Cửu An	TV	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-c
sông Kim Ngưu	TV	xã Vĩnh Xá	H. Kim Động			20° 43' 19"	106° 00' 50"	20° 50' 48"	106° 01' 14"	F-48-81-A-c
thôn Bàn Lễ	DC	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 33"	106° 05' 36"					F-48-81-C-a
thôn Bình Đôi	DC	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 44"	106° 05' 31"					F-48-81-C-a
thôn Cao Xá	DC	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 21"	106° 05' 28"					F-48-81-C-a
thôn Cộng Vũ	DC	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 49"	106° 05' 08"					F-48-81-C-a
thôn Lê Xá	DC	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 24"	106° 05' 13"					F-48-81-C-a
cầu Cao Xá	KX	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 26"	106° 05' 32"					F-48-81-C-a
đền Bà Chúa Mụa	KX	xã Vũ Xá	H. Kim Động	20° 44' 40"	106° 05' 07"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Vũ Xá	H. Kim Động			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 377	KX	xã Vũ Xá	H. Kim Động			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-81-C-a
sông Cửu An	TV	xã Vũ Xá	H. Kim Động			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-C-a
thôn Cao Xá	DC	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ	20° 44' 22"	106° 10' 37"					F-48-81-C-b
thôn Trần Hạ	DC	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ	20° 44' 35"	106° 10' 49"					F-48-81-C-b
thôn Trần Thượng	DC	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ	20° 44' 44"	106° 10' 46"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty May 22	KX	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ	20° 43' 58"	106° 10' 20"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-d, F-48-81-C-b
Quốc lộ 38B	KX	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-b
sông Hoà Bình	TV	TT. Trần Cao	H. Phù Cừ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-b
thôn An Nhuế	DC	xã Đình Cao	H. Phù Cừ	20° 41' 51"	106° 10' 51"					F-48-81-C-b
thôn Duyên Linh	DC	xã Đình Cao	H. Phù Cừ	20° 42' 01"	106° 10' 18"					F-48-81-C-b
thôn Đình Cao	DC	xã Đình Cao	H. Phù Cừ	20° 42' 18"	106° 11' 23"					F-48-81-C-b
thôn Hà Linh	DC	xã Đình Cao	H. Phù Cừ	20° 42' 44"	106° 10' 15"					F-48-81-C-b
thôn Văn Xa	DC	xã Đình Cao	H. Phù Cừ	20° 41' 26"	106° 11' 15"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Đình Cao	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường huyện 81	KX	xã Đình Cao	H. Phù Cừ			20° 43' 26"	106° 09' 50"	20° 42' 15"	106° 10' 45"	F-48-81-C-b
Đường huyện 83	KX	xã Đình Cao	H. Phù Cừ			20° 42' 55"	106° 11' 10"	20° 39' 34"	106° 08' 50"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Đình Cao	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
sông Tân An	TV	xã Đình Cao	H. Phù Cừ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-b
thôn Đại Duy	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 28"	106° 08' 42"					F-48-81-C-b
thôn Đoàn Đào	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 39"	106° 09' 48"					F-48-81-C-b
thôn Đông Cáp	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 42' 51"	106° 09' 30"					F-48-81-C-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 44"	106° 09' 26"					F-48-81-C-b
thôn Khả Duy	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 06"	106° 09' 08"					F-48-81-C-b
thôn Long Cầu	DC	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 44' 10"	106° 09' 31"					F-48-81-C-b
cầu Đoàn Đào	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 26"	106° 09' 50"					F-48-81-C-b
cầu Quán Đỏ	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 42' 35"	106° 08' 14"					F-48-81-C-b
cầu Cáp 1	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 01"	106° 09' 20"					F-48-81-C-b
cầu Cáp 2	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 43' 05"	106° 09' 23"					F-48-81-C-b
đền thờ Bùi Đăng Châu	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 44' 04"	106° 09' 46"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Long Cầu	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 44' 14"	106° 09' 31"					F-48-81-C-b
Đường huyện 81	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ			20° 43' 26"	106° 09' 50"	20° 42' 15"	106° 10' 45"	F-48-81-C-b
mộ Bùi Đăng Châu	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ	20° 44' 05"	106° 09' 45"					F-48-81-C-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-b
sông Hoà Bình	TV	xã Đoàn Đào	H. Phù Cừ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-b
thôn Ải Quan	DC	xã Minh Hoàng	H. Phù Cừ	20° 44' 09"	106° 08' 03"					F-48-81-C-b
thôn Hoàng Tranh	DC	xã Minh Hoàng	H. Phù Cừ	20° 43' 51"	106° 08' 24"					F-48-81-C-b
thôn Ngọc Trúc	DC	xã Minh Hoàng	H. Phù Cừ	20° 43' 40"	106° 07' 53"					F-48-81-C-b
thôn Quế Lâm	DC	xã Minh Hoàng	H. Phù Cừ	20° 44' 00"	106° 07' 56"					F-48-81-C-b
thôn Duyệt Lễ	DC	xã Minh Tân	H. Phù Cừ	20° 45' 45"	106° 10' 01"					F-48-81-A-d
thôn Duyệt Văn	DC	xã Minh Tân	H. Phù Cừ	20° 46' 03"	106° 10' 11"					F-48-81-A-d
thôn Nghĩa Vũ	DC	xã Minh Tân	H. Phù Cừ	20° 46' 10"	106° 09' 52"					F-48-81-A-d
thôn Tần Tiến	DC	xã Minh Tân	H. Phù Cừ	20° 46' 48"	106° 09' 44"					F-48-81-A-d
đình Nghĩa Vũ	KX	xã Minh Tân	H. Phù Cừ	20° 46' 09"	106° 09' 50"					F-48-81-A-d
Đường tỉnh 386	KX	xã Minh Tân	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Minh Tân	H. Phù Cừ			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-d
sông Tây Kẻ Sặt	TV	xã Minh Tân	H. Phù Cừ			20° 55' 06"	106° 09' 13"	20° 45' 50"	106° 10' 48"	F-48-81-A-d
thôn Kim Phương	DC	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ	20° 40' 31"	106° 12' 10"					F-48-81-C-b
thôn Phạm Xá	DC	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ	20° 40' 57"	106° 11' 55"					F-48-81-C-b
thôn Phù Oanh	DC	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ	20° 40' 40"	106° 12' 48"					F-48-81-C-b
đền Phượng Hoàng	KX	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ	20° 40' 28"	106° 13' 06"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
sông Đoàn Kết	TV	xã Minh Tiến	H. Phù Cừ			20° 40' 15"	106° 12' 40"	20° 41' 52"	106° 14' 26"	F-48-81-C-b
thôn Hạ Đồng	DC	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 41' 06"	106° 15' 26"					F-48-81-D-a
thôn La Tiến	DC	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 40' 22"	106° 14' 10"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sỹ Quý	DC	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 40' 48"	106° 14' 51"					F-48-81-C-b
thôn Thị Giang	DC	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 40' 55"	106° 14' 30"					F-48-81-C-b
bến khách ngang sông La Tiến	KX	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 39' 59"	106° 14' 03"					F-48-81-C-b
Di tích lịch sử Địa điểm Cây Đa	KX	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 40' 02"	106° 14' 03"					F-48-81-C-b
đền La Tiến	KX	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ	20° 40' 00"	106° 14' 03"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
sông Đoàn Kết	TV	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ			20° 40' 15"	106° 12' 40"	20° 41' 52"	106° 14' 26"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Nguyên Hoà	H. Phù Cừ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b, F-48-81-D-a
thôn Nhật Lệ	DC	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ	20° 42' 42"	106° 13' 07"					F-48-81-C-b
thôn Quang Yên	DC	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ	20° 42' 52"	106° 13' 01"					F-48-81-C-b
thôn Tân An	DC	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ	20° 43' 20"	106° 12' 50"					F-48-81-C-b
Cầu Dao	KX	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ	20° 43' 27"	106° 13' 04"					F-48-81-C-b
đền Cảm Nhân Linh Từ	KX	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ	20° 43' 23"	106° 12' 45"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
sông Nam Kẻ Sặt	TV	xã Nhật Quang	H. Phù Cừ			20° 45' 50"	106° 10' 48"	20° 41' 53"	106° 14' 25"	F-48-81-C-b
thôn Ba Đông	DC	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ	20° 45' 34"	106° 08' 51"					F-48-81-A-d
thôn Phú Mãn	DC	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ	20° 44' 39"	106° 09' 36"					F-48-81-C-b
thôn Phương Bồ	DC	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ	20° 45' 34"	106° 09' 39"					F-48-81-A-d
thôn Trà Bồ	DC	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ	20° 44' 55"	106° 09' 33"					F-48-81-C-b
Di tích kiến trúc nghệ thuật Đậu Trà Bồ	KX	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ	20° 44' 52"	106° 09' 47"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-A-d, F-48-81-C-b
sông Cửu An	TV	xã Phan Sào Nam	H. Phù Cừ			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-d
thôn Ngũ Lão	DC	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ	20° 44' 25"	106° 12' 47"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quang Xá	DC	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ	20° 45' 13"	106° 11' 46"					F-48-81-A-d
thôn Thọ Lão	DC	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ	20° 45' 02"	106° 12' 19"					F-48-81-A-d
thôn Viên Quang	DC	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ	20° 45' 31"	106° 11' 34"					F-48-81-A-d
Cầu Tràng	KX	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ	20° 45' 16"	106° 11' 59"					F-48-81-A-d
Đường huyện 80	KX	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-A-d, F-48-81-C-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-A-d, F-48-81-C-b
sông Cửu An	TV	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ			20° 46' 39"	105° 58' 18"	20° 45' 50"	106° 10' 45"	F-48-81-A-d, F-48-81-C-b
sông Hoà Bình	TV	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-b
sông Nam Kẻ Sặt	TV	xã Quang Hưng	H. Phù Cừ			20° 45' 50"	106° 10' 48"	20° 41' 53"	106° 14' 25"	F-48-81-A-d
thôn Cự Phú	DC	xã Tam Đa	H. Phù Cừ	20° 41' 35"	106° 14' 33"					F-48-81-C-b
thôn Ngũ Phúc	DC	xã Tam Đa	H. Phù Cừ	20° 42' 09"	106° 13' 59"					F-48-81-C-b
thôn Tam Đa	DC	xã Tam Đa	H. Phù Cừ	20° 41' 22"	106° 13' 46"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Tam Đa	H. Phù Cừ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Tam Đa	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
sông Đoàn Kết	TV	xã Tam Đa	H. Phù Cừ			20° 40' 15"	106° 12' 40"	20° 41' 52"	106° 14' 26"	F-48-81-C-b
sông Nam Kẻ Sặt	TV	xã Tam Đa	H. Phù Cừ			20° 45' 50"	106° 10' 48"	20° 41' 53"	106° 14' 25"	F-48-81-C-b
thôn Hoàng Các	DC	xã Tiên Tiến	H. Phù Cừ	20° 42' 04"	106° 12' 58"					F-48-81-C-b
thôn Hoàng Xá	DC	xã Tiên Tiến	H. Phù Cừ	20° 41' 49"	106° 12' 45"					F-48-81-C-b
thôn Nại Khê	DC	xã Tiên Tiến	H. Phù Cừ	20° 41' 26"	106° 12' 12"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Tiên Tiến	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
thôn Cát Dương	DC	xã Tống Phan	H. Phù Cừ	20° 43' 42"	106° 11' 15"					F-48-81-C-b
thôn Hạ Cát	DC	xã Tống Phan	H. Phù Cừ	20° 43' 23"	106° 11' 48"					F-48-81-C-b
thôn Phan Xá	DC	xã Tống Phan	H. Phù Cừ	20° 43' 57"	106° 12' 07"					F-48-81-C-b
thôn Tống Xá	DC	xã Tống Phan	H. Phù Cừ	20° 44' 06"	106° 11' 58"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vũ Xá	DC	xã Tống Phan	H. Phù Cừ	20° 44' 20"	106° 11' 42"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Tống Phan	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 386	KX	xã Tống Phan	H. Phù Cừ			20° 48' 39"	106° 05' 53"	20° 40' 02"	106° 14' 00"	F-48-81-C-b
sông Nam Kẻ Sặt	TV	xã Tống Phan	H. Phù Cừ			20° 45' 50"	106° 10' 48"	20° 41' 53"	106° 14' 25"	F-48-81-A-d
thôn An Cầu	DC	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 29"	106° 12' 44"					F-48-81-C-b
thôn Trà Dương	DC	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 45"	106° 13' 20"					F-48-81-C-b
thôn Võng Phan	DC	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 10"	106° 11' 41"					F-48-81-C-b
bến khách ngang sông Nông	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 38' 46"	106° 13' 16"					F-48-81-C-b
bến khách ngang sông Võng Phan	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 38' 43"	106° 12' 07"					F-48-81-C-b
Di tích kiến trúc nghệ thuật Bệ Đá Chùa Trà Dương	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 59"	106° 13' 16"					F-48-81-C-b
đền Lê Xá	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 27"	106° 12' 32"					F-48-81-C-b
đền Tống Trân	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ	20° 39' 46"	106° 12' 40"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Tống Trân	H. Phù Cừ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Tống Trân	H. Phù Cừ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b
khu Hoà Bình	DC	TT. Vương	H. Tiên Lữ	20° 42' 04"	106° 07' 09"					F-48-81-C-a
khu Tiên Xá	DC	TT. Vương	H. Tiên Lữ	20° 42' 21"	106° 07' 09"					F-48-81-C-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giầy Da Ngọc Tế	KX	TT. Vương	H. Tiên Lữ	20° 42' 27"	106° 08' 05"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376	KX	TT. Vương	H. Tiên Lữ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a
phố Nguyễn Trãi	KX	TT. Vương	H. Tiên Lữ			20° 42' 34"	106° 08' 13"	20° 42' 07"	106° 07' 11"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
phố Phạm Ngũ Lão	KX	TT. Vương	H. Tiên Lữ			20° 42' 07"	106° 07' 11"	20° 41' 56"	106° 06' 47"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
Quốc lộ 38B	KX	TT. Vương	H. Tiên Lữ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hoà Bình	TV	TT. Vương	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
thôn An Xá	DC	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 58"	106° 06' 29"					F-48-81-C-a
thôn Nội Lễ	DC	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 24"	106° 06' 37"					F-48-81-C-a
thôn Nội Mai	DC	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 35"	106° 06' 03"					F-48-81-C-a
thôn Nội Thượng	DC	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 39"	106° 06' 15"					F-48-81-C-a
đền An Xá	KX	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 56"	106° 06' 11"					F-48-81-C-a
đình Nội Lễ	KX	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 22"	106° 06' 33"					F-48-81-C-a
đình Nội Mai	KX	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 30"	106° 05' 53"					F-48-81-C-a
đình Nội Thượng	KX	xã An Viên	H. Tiên Lữ	20° 40' 38"	106° 06' 07"					F-48-81-C-a
sông Lê Như Hổ	TV	xã An Viên	H. Tiên Lữ			20° 38' 15"	106° 05' 56"	20° 40' 12"	106° 06' 24"	F-48-81-C-a
sông Tân An	TV	xã An Viên	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-a
thôn An Tào	DC	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ	20° 40' 42"	106° 10' 44"					F-48-81-C-b
thôn Bái Khê	DC	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ	20° 40' 18"	106° 10' 33"					F-48-81-C-b
thôn Đặng Xá	DC	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ	20° 39' 50"	106° 10' 03"					F-48-81-C-b
đền Bái Khê	KX	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ	20° 40' 24"	106° 10' 43"					F-48-81-C-b
đình An Tào	KX	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ	20° 40' 45"	106° 10' 44"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Cương Chính	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b
thôn Chế Chì	DC	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 38"	106° 07' 37"					F-48-81-C-b
thôn Dị Chế	DC	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 25"	106° 07' 14"					F-48-81-C-a
thôn Đa Quang	DC	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 54"	106° 07' 48"					F-48-81-C-b
thôn Nghĩa Chế	DC	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 20"	106° 06' 49"					F-48-81-C-a
Cầu Địa	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 40' 59"	106° 07' 23"					F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty May Tiên Hưng	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 47"	106° 06' 40"					F-48-81-C-a
đền Dị Chế	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 13"	106° 07' 06"					F-48-81-C-a
đền Nghĩa Chế	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ	20° 41' 22"	106° 06' 41"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
sông Hoà Bình	TV	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-a
sông Tân An	TV	xã Dị Chế	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
thôn An Lạc	DC	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ	20° 41' 02"	106° 08' 06"					F-48-81-C-b
thôn Chỉ Thiện	DC	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ	20° 40' 54"	106° 08' 26"					F-48-81-C-b
thôn Lạc Dục	DC	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ	20° 41' 19"	106° 08' 15"					F-48-81-C-b
thôn Lương Trụ	DC	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ	20° 40' 19"	106° 08' 20"					F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b
sông Tân An	TV	xã Đức Thắng	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-b
thôn Hải Yến	DC	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 54"	106° 07' 56"					F-48-81-C-b
thôn Triều Dương	DC	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 40' 04"	106° 07' 25"					F-48-81-C-a
xóm Bến Hải	DC	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 35"	106° 07' 56"					F-48-81-C-b
Cầu Địa	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 40' 59"	106° 07' 23"					F-48-81-C-a
chùa Hải Yến	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 48"	106° 07' 53"					F-48-81-C-b
đền Hải Yến	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 50"	106° 07' 49"					F-48-81-C-b
đình Hải Yến	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 51"	106° 07' 53"					F-48-81-C-b
cầu Triều Dương	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 39' 10"	106° 07' 41"					F-48-81-C-b
chùa Triều Dương	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 40' 00"	106° 07' 13"					F-48-81-C-a
đền Triều Dương	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ	20° 40' 01"	106° 07' 17"					F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 376	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b
sông Tân An	TV	xã Hải Triều	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
Thôn Dung	DC	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ	20° 43' 21"	106° 06' 11"					F-48-81-C-a
thôn Hậu Xá	DC	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ	20° 42' 58"	106° 05' 07"					F-48-81-C-a
thôn Muội Sảng	DC	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ	20° 42' 36"	106° 05' 44"					F-48-81-C-a
thôn Tam Nông	DC	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ	20° 43' 05"	106° 05' 33"					F-48-81-C-a
thôn Xuân Điểm	DC	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ	20° 42' 54"	106° 04' 59"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Hưng Đạo	H. Tiên Lữ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a
thôn Giai Lệ	DC	xã Lệ Xá	H. Tiên Lữ	20° 41' 56"	106° 09' 38"					F-48-81-C-b
thôn Phí Xá	DC	xã Lệ Xá	H. Tiên Lữ	20° 41' 30"	106° 09' 00"					F-48-81-C-b
thôn Phù Liễu	DC	xã Lệ Xá	H. Tiên Lữ	20° 41' 28"	106° 09' 27"					F-48-81-C-b
sông Tân An	TV	xã Lệ Xá	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-b
thôn Điềm Đông	DC	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ	20° 40' 29"	106° 11' 24"					F-48-81-C-b
thôn Điềm Tây	DC	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ	20° 40' 25"	106° 11' 05"					F-48-81-C-b
thôn Mai Xá	DC	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ	20° 39' 42"	106° 10' 57"					F-48-81-C-b
bến khách ngang sông Mai Xá	KX	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ	20° 39' 31"	106° 10' 44"					F-48-81-C-b
Đường huyện 80	KX	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ			20° 45' 13"	106° 11' 55"	20° 39' 17"	106° 11' 33"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Phủ Điềm	KX	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ	20° 40' 15"	106° 11' 08"					F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Minh Phượng	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đại Nại	DC	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ	20° 42' 34"	106° 06' 26"					F-48-81-C-a
thôn Nội Linh	DC	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ	20° 42' 03"	106° 06' 06"					F-48-81-C-a
thôn Trịnh Mỹ	DC	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ	20° 42' 55"	106° 07' 20"					F-48-81-C-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Việt Japan	KX	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ	20° 42' 32"	106° 06' 50"					F-48-81-C-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
sông Hoà Bình	TV	xã Ngô Quyền	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-a
thôn An Trạch	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 41' 58"	106° 05' 07"					F-48-81-C-a
thôn Cao Đoài	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 42' 11"	106° 04' 44"					F-48-81-C-a
thôn Cao Đông	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 42' 10"	106° 05' 09"					F-48-81-C-a
thôn Linh Hạ	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 41' 39"	106° 05' 10"					F-48-81-C-a
thôn Phù Oanh	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 41' 41"	106° 06' 01"					F-48-81-C-a
thôn Phượng Tường	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 41' 36"	106° 05' 33"					F-48-81-C-a
xóm Nam Dương	DC	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ	20° 41' 15"	106° 05' 27"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ			20° 45' 16"	106° 12' 00"	20° 40' 28"	106° 03' 06"	F-48-81-C-a
sông Hoà Bình	TV	xã Nhật Tân	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 45' 11"	106° 12' 05"	F-48-81-C-a
thôn Diệt Pháp	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 12"	106° 06' 56"					F-48-81-C-a
thôn Lam Sơn	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 04"	106° 07' 16"					F-48-81-C-a
thôn Tân Khai	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 02"	106° 06' 22"					F-48-81-C-a
thôn Toàn Tiến	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 19"	106° 06' 48"					F-48-81-C-a
xóm Chùa Bãi	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 38' 37"	106° 06' 21"					F-48-81-C-a
xóm Đường Mới	DC	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 11"	106° 06' 34"					F-48-81-C-a
cầu Triều Dương	KX	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ	20° 39' 10"	106° 07' 41"					F-48-81-C-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 378	KX	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
Quốc lộ 39	KX	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
sông Lê Như Hổ	TV	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ			20° 38' 15"	106° 05' 56"	20° 40' 12"	106° 06' 24"	F-48-81-C-a
Sông Luộc	TV	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-b
sông Yên Bái	TV	xã Thiện Phiến	H. Tiên Lữ			20° 39' 35"	106° 07' 24"	20° 39' 35"	106° 06' 02"	F-48-81-C-a
thôn Lệ Chi	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ	20° 39' 32"	106° 09' 18"					F-48-81-C-b
thôn Thuỵ Dương	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ	20° 39' 05"	106° 09' 45"					F-48-81-C-b
thôn Thuỵ Lôi	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ	20° 39' 52"	106° 08' 55"					F-48-81-C-b
bến khách ngang sông Xuôi	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ	20° 39' 26"	106° 08' 56"					F-48-81-C-b
Chợ Xuôi	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ	20° 39' 30"	106° 08' 56"					F-48-81-C-b
Đường huyện 83	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ			20° 42' 55"	106° 11' 10"	20° 39' 34"	106° 08' 50"	F-48-81-C-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-b
Sông Luộc	TV	xã Thuỵ Lôi	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-b
thôn Ba Hàng	DC	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ	20° 38' 52"	106° 06' 02"					F-48-81-C-a
thôn Lê Bãi	DC	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ	20° 38' 22"	106° 05' 50"					F-48-81-C-a
thôn Nội Lăng	DC	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ	20° 39' 50"	106° 05' 57"					F-48-81-C-a
thôn Tất Viên	DC	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ	20° 39' 51"	106° 06' 04"					F-48-81-C-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ	20° 39' 08"	106° 05' 37"					F-48-81-C-a
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-C-a
Đường tỉnh 378	KX	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-81-C-a
Quốc lộ 39	KX	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-C-a
sông Lê Như Hổ	TV	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 38' 15"	106° 05' 56"	20° 40' 12"	106° 06' 24"	F-48-81-C-a
Sông Luộc	TV	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 37' 51"	106° 07' 35"	20° 41' 07"	106° 16' 03"	F-48-81-C-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Tân An	TV	xã Thủ Sỹ	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-a
thôn An Tràng	DC	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ	20° 41' 03"	106° 09' 59"					F-48-81-C-b
thôn Canh Hoạch	DC	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ	20° 41' 10"	106° 09' 43"					F-48-81-C-b
thôn Đồng Lạc	DC	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ	20° 40' 40"	106° 09' 40"					F-48-81-C-b
thôn Hoàng Xá	DC	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ	20° 40' 58"	106° 08' 59"					F-48-81-C-b
Đường huyện 83	KX	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ			20° 42' 55"	106° 11' 10"	20° 39' 34"	106° 08' 50"	F-48-81-C-b
sông Tân An	TV	xã Trung Dũng	H. Tiên Lữ			20° 40' 55"	106° 04' 26"	20° 41' 54"	106° 10' 16"	F-48-81-C-b
ấp Tân Hưng	DC	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 56' 08"	105° 56' 10"					F-48-80-B-b
thôn Công Luận 1	DC	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 56' 38"	105° 55' 34"					F-48-80-B-b
thôn Công Luận 2	DC	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 55' 55"	105° 55' 32"					F-48-80-B-b
thôn Đan Nhiễm	DC	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 56' 36"	105° 56' 15"					F-48-80-B-b
đền Công Luận	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 56' 44"	105° 55' 29"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 377	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379B	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang			20° 58' 04"	105° 57' 12"	20° 56' 52"	105° 55' 20"	F-48-80-B-b
Trường Trung cấp Cảnh Sát Nhân Dân VI	KX	TT. Văn Giang	H. Văn Giang	20° 56' 48"	105° 55' 48"					F-48-80-B-b
Sông Hồng	TV	TT. Văn Giang	H. Văn Giang			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-b
Thôn Hạ	DC	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 57' 30"	105° 56' 47"					F-48-80-B-b
Thôn Nguyễn	DC	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 57' 48"	105° 57' 02"					F-48-80-B-b
Thôn Thượng	DC	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 57' 57"	105° 57' 01"					F-48-80-B-b
Thôn Vàng	DC	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 57' 40"	105° 56' 53"					F-48-80-B-b
đình Cửu Cao	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 57' 46"	105° 56' 54"					F-48-80-B-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b
Đường huyện 23	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang			20° 57' 21"	105° 56' 46"	20° 53' 39"	105° 59' 05"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 379B	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang			20° 58' 04"	105° 57' 12"	20° 56' 52"	105° 55' 20"	F-48-80-B-b
Trung tâm Y tế Đường Bộ 2	KX	xã Cửu Cao	H. Văn Giang	20° 58' 04"	105° 57' 16"					F-48-80-B-b
sông Kim Sơn	TV	xã Cửu Cao	H. Văn Giang			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b
thôn AB Quán Trạch	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 54' 52"	105° 55' 47"					F-48-80-B-b
thôn Bá Khê	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 54' 40"	105° 56' 33"					F-48-80-B-b
thôn CD Quán Trạch	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 54' 37"	105° 55' 55"					F-48-80-B-b
thôn Đan Kim	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 55' 31"	105° 55' 54"					F-48-80-B-b
thôn Phi Liệt	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 55' 24"	105° 55' 22"					F-48-80-B-b
thôn Vĩnh Tuy	DC	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 55' 14"	105° 56' 03"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 377	KX	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Viện nghiên cứu Công nghệ Sinh học	KX	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang	20° 54' 13"	105° 56' 52"					F-48-80-B-b
Sông Hồng	TV	xã Liên Nghĩa	H. Văn Giang			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-b
thôn Lại Ốc	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 38"	105° 57' 01"					F-48-80-B-b
thôn Ngọc Bộ	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 55' 53"	105° 57' 29"					F-48-80-B-b
thôn Nhân Vực	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 14"	105° 57' 09"					F-48-80-B-b
thôn Như Lân	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 57' 13"	105° 57' 01"					F-48-80-B-b
thôn Như Phượng Hạ	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 21"	105° 57' 29"					F-48-80-B-b
thôn Như Phượng Thượng	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 37"	105° 57' 26"					F-48-80-B-b
thôn Sở Đông	DC	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 55' 59"	105° 57' 03"					F-48-80-B-b
cầu Lại Ốc	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 40"	105° 56' 49"					F-48-80-B-b
đình Ngọc Bộ	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 55' 55"	105° 57' 27"					F-48-80-B-b
đình Như Phượng Hạ	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang	20° 56' 17"	105° 57' 25"					F-48-80-B-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b
Đường huyện 23	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang			20° 57' 21"	105° 56' 46"	20° 53' 39"	105° 59' 05"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Long Hưng	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Quê	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 58"	105° 56' 29"					F-48-80-B-b
thôn Hoàng Trạch	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 54' 18"	105° 55' 33"					F-48-80-B-b
thôn Mễ Sở	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 42"	105° 55' 07"					F-48-80-B-b
thôn Nhạn Tháp	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 50"	105° 55' 03"					F-48-80-B-b
thôn Phú Thị	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 33"	105° 55' 18"					F-48-80-B-b
thôn Phú Trạch	DC	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 54' 10"	105° 54' 53"					F-48-80-B-b
bến khách ngang sông Mễ Sở	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 16"	105° 54' 47"					F-48-80-B-b
chùa Mễ Sở	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 37"	105° 55' 00"					F-48-80-B-b
chùa Nhạn Tháp	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 40"	105° 54' 52"					F-48-80-B-b
chùa Phú Thị	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 28"	105° 55' 01"					F-48-80-B-b
đền Nhạn Tháp	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang	20° 53' 51"	105° 54' 56"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 382	KX	xã Mễ Sở	H. Văn Giang			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-80-B-b
Sông Hồng	TV	xã Mễ Sở	H. Văn Giang			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-b
Thôn 11	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 56' 54"	105° 59' 37"					F-48-80-B-b
Thôn 12	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 56' 49"	105° 59' 45"					F-48-80-B-b
Thôn 13	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 56' 41"	105° 59' 28"					F-48-80-B-b
Thôn 14	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 56' 29"	105° 58' 34"					F-48-80-B-b
thôn Đại Tài	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 58' 00"	105° 58' 44"					F-48-80-B-b
thôn Đồng Tỉnh	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 57' 11"	105° 59' 39"					F-48-80-B-b
thôn Lê Cao	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 57' 34"	105° 59' 16"					F-48-80-B-b
thôn Phúc Thọ	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 57' 28"	105° 59' 22"					F-48-80-B-b
thôn Tam Kỳ	DC	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 57' 19"	105° 59' 27"					F-48-80-B-b
đình Nhân Vực	KX	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang	20° 56' 48"	105° 59' 35"					F-48-80-B-b
sông Kim Sơn	TV	xã Nghĩa Trụ	H. Văn Giang			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b
Thôn Bến	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 56' 58"	105° 55' 25"					F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đại	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 16"	105° 55' 29"					F-48-80-B-b
Thôn Đầu	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 14"	105° 55' 40"					F-48-80-B-b
Thôn Khúc	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 16"	105° 55' 14"					F-48-80-B-b
Thôn Ngò	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 06"	105° 55' 44"					F-48-80-B-b
Thôn Tháp	DC	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 25"	105° 55' 03"					F-48-80-B-b
Đền Ngò	KX	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 00"	105° 55' 45"					F-48-80-B-b
Đình Đầu	KX	xã Phụng Công	H. Văn Giang	20° 57' 17"	105° 55' 44"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Phụng Công	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Phụng Công	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379B	KX	xã Phụng Công	H. Văn Giang			20° 58' 04"	105° 57' 12"	20° 56' 52"	105° 55' 20"	F-48-80-B-b
thôn Ấp Bá Khê	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 54' 44"	105° 56' 33"					F-48-80-B-b
thôn Ấp Đa Phúc	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 54' 37"	105° 56' 48"					F-48-80-B-b
thôn Ấp Kim Ngưu	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 13"	105° 56' 24"					F-48-80-B-b
thôn Bá Khê	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 06"	105° 57' 08"					F-48-80-B-b
thôn Đa Ngưu	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 12"	105° 57' 29"					F-48-80-B-b
thôn Đa Phúc	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 12"	105° 57' 16"					F-48-80-B-b
thôn Hoà Bình Hạ	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 44"	105° 57' 52"					F-48-80-B-b
thôn Hoà Bình Thượng	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 56' 00"	105° 57' 45"					F-48-80-B-b
thôn Kim Ngưu	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 32"	105° 57' 27"					F-48-80-B-b
thôn Nhân Nội	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 10"	105° 57' 54"					F-48-80-B-b
thôn Phượng Trì	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 18"	105° 57' 17"					F-48-80-B-b
thôn Vĩnh Lộc	DC	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 23"	105° 57' 54"					F-48-80-B-b
đình Đa Ngưu	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 14"	105° 57' 30"					F-48-80-B-b
đình Nhân Nội	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang	20° 55' 14"	105° 57' 50"					F-48-80-B-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b
Đường huyện 23	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang			20° 57' 21"	105° 56' 46"	20° 53' 39"	105° 59' 05"	F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 377	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang			20° 56' 50"	105° 55' 41"	20° 44' 48"	106° 06' 31"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Tân Tiến	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
thôn Dương Hạ	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 34"	105° 54' 57"					F-48-80-B-b
thôn Dương Thượng	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 39"	105° 55' 00"					F-48-80-B-b
thôn Phù Bãi	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 41"	105° 55' 20"					F-48-80-B-b
thôn Phù Đinh	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 43"	105° 55' 00"					F-48-80-B-b
thôn Phù Thượng	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 54"	105° 55' 07"					F-48-80-B-b
thôn Tầm Tang	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 53' 42"	105° 54' 19"					F-48-80-B-b
thôn Tân Lợi	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 33"	105° 55' 06"					F-48-80-B-b
thôn Xâm Hồng	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 53' 58"	105° 53' 56"					F-48-80-B-b
thôn Xâm Trong	DC	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 03"	105° 54' 14"					F-48-80-B-b
đình Dương Liệt	KX	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang	20° 54' 41"	105° 54' 46"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Sông Hồng	TV	xã Thắng Lợi	H. Văn Giang			20° 55' 39"	105° 54' 23"	20° 37' 44"	106° 07' 37"	F-48-80-B-b
Thôn Cầu	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 00"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
thôn Chiều Đông	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 51"	105° 59' 55"					F-48-81-A-a
Thôn Đọ	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 16"	106° 00' 08"					F-48-81-A-a
thôn Đông Khúc	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 07"	106° 00' 29"					F-48-81-A-a
thôn Giáo Phòng	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 55' 40"	106° 00' 38"					F-48-81-A-a
thôn Hạ Tân	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 26"	106° 00' 11"					F-48-81-A-a
Thôn Lương	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 55' 55"	106° 00' 20"					F-48-81-A-a
thôn Thượng Tân	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 31"	106° 00' 04"					F-48-81-A-a
Thôn Thịnh	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 05"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
Thôn Tràng	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 44"	106° 00' 12"					F-48-81-A-a
thôn Vĩnh An	DC	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 32"	105° 59' 53"					F-48-80-B-b
chùa Cầu Báu	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 20"	106° 00' 07"					F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Cầu Báu	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 36"	105° 59' 42"					F-48-80-B-b
chùa Khúc Lộng	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 55' 54"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
đền Khúc Lộng	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 55' 56"	106° 00' 11"					F-48-81-A-a
đình Ngu Nhuế	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang	20° 56' 36"	105° 59' 53"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a
sông Kim Sơn	TV	xã Vĩnh Khúc	H. Văn Giang			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
Thôn 1	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 59"	105° 55' 09"					F-48-80-B-b
Thôn 2	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 54"	105° 55' 03"					F-48-80-B-b
Thôn 3	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 58' 18"	105° 55' 07"					F-48-80-B-b
Thôn 4	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 58' 18"	105° 54' 54"					F-48-80-B-b
Thôn 5	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 49"	105° 54' 49"					F-48-80-B-b
Thôn 6	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 44"	105° 54' 46"					F-48-80-B-b
Thôn 7	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 51"	105° 54' 42"					F-48-80-B-b
Thôn 8	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 42"	105° 54' 38"					F-48-80-B-b
Thôn 9	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 43"	105° 54' 29"					F-48-80-B-b
Thôn 10	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 33"	105° 54' 28"					F-48-80-B-b
Thôn 11	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 11"	105° 54' 21"					F-48-80-B-b
Thôn 12	DC	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 56' 53"	105° 54' 32"					F-48-80-B-b
đình Triệu Đà	KX	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 57' 32"	105° 54' 32"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 378	KX	xã Xuân Quan	H. Văn Giang			20° 58' 36"	105° 55' 04"	20° 41' 37"	106° 14' 38"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Xuân Quan	H. Văn Giang			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
cống Xuân Quan	TV	xã Xuân Quan	H. Văn Giang	20° 58' 23"	105° 55' 05"					F-48-80-B-b
sông Kim Sơn	TV	xã Xuân Quan	H. Văn Giang			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b
phố Như Quỳnh	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 02"	105° 58' 44"					F-48-80-B-b
thôn Hành Lạc	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 58' 54"	105° 59' 59"					F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Minh Khai	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 45"	105° 59' 08"					F-48-80-B-b
thôn Ngọc Quỳnh	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 14"	105° 58' 58"					F-48-80-B-b
thôn Ngô Xuyên	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 14"	105° 59' 15"					F-48-80-B-b
thôn Như Quỳnh	DC	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 06"	105° 58' 55"					F-48-80-B-b
Đình Ất	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 58' 52"	106° 00' 02"					F-48-81-A-a
Đền Ghênh	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 17"	105° 58' 48"					F-48-80-B-b
chùa Hành Lạc	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 02"	106° 00' 02"					F-48-81-A-a
Công ty Hoà Phát	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 29"	105° 58' 36"					F-48-80-B-b
đình Hành Lạc	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 58' 58"	105° 59' 51"					F-48-80-B-b
cầu vượt Như Quỳnh	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 58' 41"	105° 59' 11"					F-48-80-B-b
Công ty Thuận Thành	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 22"	105° 58' 34"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 385	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
lăng Từ Vũ	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm	20° 59' 15"	105° 58' 40"					F-48-80-B-b
Quốc lộ 5	KX	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-80-B-b
sông Như Quỳnh	TV	TT. Như Quỳnh	H. Văn Lâm			20° 58' 09"	105° 58' 35"	21° 00' 12"	106° 00' 55"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
thôn Cát Lư	DC	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 31"	106° 02' 17"					F-48-81-A-a
thôn Đông Mai	DC	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 25"	106° 03' 12"					F-48-81-A-a
thôn Nghĩa Lộ	DC	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 19"	106° 02' 34"					F-48-81-A-a
thôn Trịnh Xá	DC	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 36"	106° 02' 48"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Đường tỉnh 385	KX	xã Chỉ Đạo	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-81-A-a
thôn Bùng Đông	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 36"	106° 03' 22"					F-48-81-A-a
thôn Đại Bi	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 50"	106° 04' 54"					F-48-81-A-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 33"	106° 04' 49"					F-48-81-A-a
thôn Đại Từ	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 27"	106° 04' 03"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đinh Tổ	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 16"	106° 04' 46"					F-48-81-A-a
thôn Đồng Xá	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 25"	106° 05' 04"					F-48-81-A-a
thôn Lộng Thượng	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 42"	106° 04' 15"					F-48-81-A-a
thôn Văn Ổ	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	21° 00' 01"	106° 03' 17"					F-48-69-C-c
thôn Xuân Phao	DC	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 50"	106° 03' 19"					F-48-81-A-a
chùa Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 35"	106° 05' 01"					F-48-81-A-a
đình Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm	20° 59' 37"	106° 04' 48"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Đường tỉnh 385	KX	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-81-A-a
Sông Nôm	TV	xã Đại Đồng	H. Văn Lâm			21° 00' 27"	106° 03' 12"	20° 58' 03"	106° 07' 18"	F-48-69-C-c, F-48-81-A-a
thôn Đình Dù	DC	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 22"	105° 59' 45"					F-48-80-B-b
thôn Đồng Xá	DC	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 52"	106° 04' 39"					F-48-80-A-a
thôn Ngải Dương	DC	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 23"	106° 00' 48"					F-48-81-A-a
thôn Thị Trung	DC	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 57' 50"	105° 59' 50"					F-48-80-B-b
thôn Xuân Lôi	DC	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 19"	106° 00' 17"					F-48-81-A-a
cầu vượt Như Quỳnh	KX	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 41"	105° 59' 11"					F-48-80-B-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết Bị Điện Lioa	KX	xã Đình Dù	H. Văn Lâm	20° 58' 23"	105° 59' 26"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 385	KX	xã Đình Dù	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Đình Dù	H. Văn Lâm			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
Thôn Cầu	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 10"	106° 00' 50"					F-48-81-A-a
thôn Đoan Khê	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 14"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
thôn Đồng Xá	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 58' 47"	106° 04' 48"					F-48-81-A-a
Thôn Giữa	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 15"	106° 01' 02"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Hoằng	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 58' 58"	106° 00' 32"					F-48-81-A-a
thôn Hùng Trì	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 46"	106° 00' 39"					F-48-81-A-a
thôn Hướng Đạo	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 40"	106° 00' 22"					F-48-81-A-a
Thôn Mụ	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 26"	106° 01' 01"					F-48-81-A-a
Thôn Ngọc	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 06"	106° 01' 12"					F-48-81-A-a
thôn Tân Nhuế	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 56"	106° 00' 01"					F-48-81-A-a
Thôn Trình	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 20"	106° 01' 05"					F-48-81-A-a
thôn Xanh Tý	DC	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 24"	106° 00' 30"					F-48-81-A-a
chùa Pháp Vân	KX	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 14"	106° 00' 50"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 385	KX	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-81-A-a
ga Lạc Đạo	KX	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm	20° 59' 04"	106° 01' 43"					F-48-81-A-a
sông Như Quỳnh	TV	xã Lạc Đạo	H. Văn Lâm			20° 58' 09"	105° 58' 35"	21° 00' 12"	106° 00' 55"	F-48-69-C-c, F-48-81-A-a
thôn Bình Minh	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 33"	106° 00' 28"					F-48-81-A-a
thôn Hồng Cầu	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 42"	106° 01' 00"					F-48-81-A-a
thôn Hồng Thái	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 17"	106° 00' 19"					F-48-81-A-a
thôn Minh Hải	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 35"	106° 00' 37"					F-48-81-A-a
thôn Nhạc Miếu	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 56"	106° 00' 58"					F-48-81-A-a
thôn Phạm Kham	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 30"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
thôn Quang Trung	DC	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 38"	106° 00' 51"					F-48-81-A-a
chùa Thái Lạc	KX	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 31"	106° 00' 45"					F-48-81-A-a
đình Thái Lạc	KX	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 33"	106° 00' 47"					F-48-81-A-a
Khu công nghiệp Phố Nối A	KX	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm	20° 57' 04"	106° 01' 24"					F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Lạc Hồng	H. Văn Lâm			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a
Thôn Bến	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 23"	106° 07' 33"					F-48-81-A-b
Xóm Dinh	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 14"	106° 07' 44"					F-48-81-A-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dinh Khuốc	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 19"	106° 07' 40"					F-48-81-A-b
thôn Đông Trại	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 17"	106° 07' 29"					F-48-81-A-a
Xóm Khuốc	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 26"	106° 07' 38"					F-48-81-A-b
thôn Khuyến Thiện	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 05"	106° 06' 40"					F-48-81-A-a
thôn Lương Tài	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 09"	106° 07' 08"					F-48-81-A-a
thôn Mậu Lương	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 24"	106° 06' 36"					F-48-81-A-a
thôn Nghi Cốc	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 31"	106° 06' 15"					F-48-81-A-a
cụm dân cư Phố Tài	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 01"	106° 07' 22"					F-48-81-A-a
thôn Phú Nhuận	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 19"	106° 06' 16"					F-48-81-A-a
thôn Tảo A	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 57' 56"	106° 07' 23"					F-48-81-A-a
thôn Tảo C	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 05"	106° 07' 49"					F-48-81-A-b
thôn Tân Ấp	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 15"	106° 05' 56"					F-48-81-A-a
thôn Tân Xuân	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 59' 03"	106° 07' 08"					F-48-81-A-a
thôn Tuấn Lương	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 32"	106° 05' 57"					F-48-81-A-a
thôn Xuân Đào	DC	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 28"	106° 07' 26"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 385	KX	xã Lương Tài	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
Đường tỉnh 387	KX	xã Lương Tài	H. Văn Lâm			20° 58' 00"	106° 07' 16"	20° 51' 29"	106° 08' 22"	F-48-81-A-a
ga Tuấn Lương	KX	xã Lương Tài	H. Văn Lâm	20° 58' 17"	106° 05' 57"					F-48-81-A-a
sông Cầm Giàng	TV	xã Lương Tài	H. Văn Lâm			20° 58' 03"	106° 07' 18"	20° 58' 31"	106° 08' 09"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-b
Sông Nôm	TV	xã Lương Tài	H. Văn Lâm			21° 00' 27"	106° 03' 12"	20° 58' 03"	106° 07' 18"	F-48-81-A-a
Thôn Ao	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 09"	106° 02' 54"					F-48-81-A-a
Thôn Chùa	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 57' 54"	106° 03' 01"					F-48-81-A-a
Thôn Khách	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 00"	106° 02' 47"					F-48-81-A-a
thôn Hoàng Nha	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 24"	106° 02' 21"					F-48-81-A-a
thôn Thanh Đặng	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 30"	106° 02' 06"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Khê	DC	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 05"	106° 03' 20"					F-48-81-A-a
chùa Hương Lãng	KX	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 58' 01"	106° 03' 15"					F-48-81-A-a
Cầu Lạng	KX	xã Minh Hải	H. Văn Lâm	20° 57' 48"	106° 02' 59"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Minh Hải	H. Văn Lâm			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
thôn Bình Lương	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 44"	105° 58' 26"					F-48-80-B-b
thôn Chí Trung	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 59' 03"	105° 57' 54"					F-48-80-B-b
thôn Cự Dũng	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 05"	105° 57' 53"					F-48-80-B-b
thôn Nghĩa Trai	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 24"	105° 58' 54"					F-48-80-B-b
thôn Ngọc Đà	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 59' 05"	105° 58' 19"					F-48-80-B-b
thôn Ngọc Loan	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 27"	105° 58' 18"					F-48-80-B-b
thôn Tăng Bảo	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 12"	105° 58' 24"					F-48-80-B-b
thôn Thọ Khang	DC	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 36"	105° 58' 26"					F-48-80-B-b
cầu vượt Như Quỳnh	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 41"	105° 59' 11"					F-48-80-B-b
Chùa Ông (chùa Bình Lương)	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 48"	105° 58' 22"					F-48-80-B-b
Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư BaRoTec Việt Nam	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 58"	105° 57' 40"					F-48-80-B-b
Đường tỉnh 385	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-80-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-80-B-b
Trường Đại học Tài chính - Quản trị Kinh doanh	KX	xã Tân Quang	H. Văn Lâm	20° 58' 51"	105° 58' 45"					F-48-80-B-b
sông Kim Sơn	TV	xã Tân Quang	H. Văn Lâm			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b
sông Như Quỳnh	TV	xã Tân Quang	H. Văn Lâm			20° 58' 09"	105° 58' 35"	21° 00' 12"	106° 00' 55"	F-48-80-B-b
thôn An Lạc	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 03"	106° 00' 09"					F-48-81-A-a
thôn Mộc Ty	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 52"	105° 59' 13"					F-48-80-B-b
thôn Ngọc Lịch	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 58' 04"	105° 59' 08"					F-48-80-B-b
thôn Nhạc Lộc	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 26"	105° 59' 38"					F-48-80-B-b
thôn Trai Túc	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 46"	105° 59' 20"					F-48-80-B-b
thôn Tuấn Dị	DC	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 14"	105° 59' 54"					F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Vĩnh Thái	KX	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 58' 07"	105° 59' 03"					F-48-80-B-b
Khu công nghiệp Phố Nối A	KX	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 04"	106° 01' 24"					F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 27"	106° 09' 02"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
Trường Đại học Tài Chính - Quản trị Kinh doanh	KX	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm	20° 57' 21"	105° 59' 41"					F-48-80-B-b
sông Kim Sơn	TV	xã Trưng Trắc	H. Văn Lâm			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-80-B-b
thôn Cự Đình	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 58' 56"	106° 05' 28"					F-48-81-A-a
thôn Đồng Chung	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 11"	106° 06' 00"					F-48-81-A-a
Thôn Ga	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 58' 19"	106° 05' 46"					F-48-81-A-a
thôn Mễ Đậu	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 58' 54"	106° 05' 45"					F-48-81-A-a
thôn Phả Lê	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 45"	106° 05' 11"					F-48-81-A-a
thôn Sầm Khúc	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 44"	106° 06' 19"					F-48-81-A-a
thôn Thanh Miếu	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 27"	106° 05' 30"					F-48-81-A-a
thôn Thục Cầu	DC	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 39"	106° 05' 22"					F-48-81-A-a
cầu Bà Sinh	KX	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 58' 34"	106° 05' 22"					F-48-81-A-a
đình Đồng Chung	KX	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 46"	106° 05' 54"					F-48-81-A-a
đình Mễ Đậu	KX	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 00"	106° 05' 42"					F-48-81-A-a
đình Phả Lê	KX	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm	20° 59' 50"	106° 05' 09"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 385	KX	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm			20° 59' 17"	105° 58' 32"	20° 58' 01"	106° 07' 55"	F-48-81-A-a
Sông Nôm	TV	xã Việt Hưng	H. Văn Lâm			21° 00' 27"	106° 03' 12"	20° 58' 03"	106° 07' 18"	F-48-81-A-a
thôn Đồng La	DC	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 24"	106° 02' 01"					F-48-81-A-a
thôn Đỗ Xá	DC	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 08"	106° 02' 07"					F-48-81-A-a
thôn Nghĩa Trang	DC	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 52' 58"	106° 01' 49"					F-48-81-A-a
thôn Ông Tố	DC	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 00"	106° 02' 01"					F-48-81-A-a
thôn Trai Trang	DC	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 21"	106° 02' 21"					F-48-81-A-a
chùa Nghĩa Lộ	KX	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 23"	106° 02' 12"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Tân Á	KX	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 52' 58"	106° 02' 26"					F-48-81-A-a
đình Trai Trang	KX	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	20° 53' 26"	106° 02' 14"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 376	KX	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 39	KX	TT. Yên Mỹ	H. Yên Mỹ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
thôn Bắc Kênh Cầu	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 55' 23"	106° 00' 27"					F-48-81-A-a
thôn Đồng Than	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 30"	106° 00' 02"					F-48-81-A-a
thôn Ốc Nhiêu	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 55' 03"	105° 59' 35"					F-48-80-B-b
thôn Phạm Xá	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 28"	106° 00' 35"					F-48-81-A-a
thôn Tráng Vũ	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 55' 25"	106° 00' 16"					F-48-81-A-a
thôn Trương Kênh Cầu	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 55' 17"	106° 00' 36"					F-48-81-A-a
thôn Xuân Tràng	DC	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 34"	106° 00' 23"					F-48-81-A-a
chùa Phạm Xá	KX	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 17"	106° 00' 33"					F-48-81-A-a
đình Phạm Xá	KX	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 23"	106° 00' 33"					F-48-81-A-a
đình Xuân Tràng	KX	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ	20° 54' 35"	106° 00' 22"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 381	KX	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ			20° 56' 30"	106° 01' 52"	20° 52' 30"	105° 59' 21"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
sông Đồng Than	TV	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	105° 59' 07"	20° 55' 05"	106° 00' 19"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
sông Kim Sơn	TV	xã Đồng Than	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a
thôn Giai Phạm	DC	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 56' 22"	106° 01' 54"					F-48-81-A-a
thôn Lạc Cầu	DC	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 55' 39"	106° 00' 49"					F-48-81-A-a
thôn Tử Cầu	DC	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 55' 59"	106° 01' 20"					F-48-81-A-a
thôn Yên Phú	DC	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 56' 13"	106° 01' 34"					F-48-81-A-a
đình Lạc Cầu	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 55' 41"	106° 00' 50"					F-48-81-A-a
Đình Ngự	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 56' 09"	106° 01' 30"					F-48-81-A-a
Đình Trà	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 56' 13"	106° 01' 44"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 376	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a
Đường tỉnh 381	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ			20° 56' 30"	106° 01' 52"	20° 52' 30"	105° 59' 21"	F-48-81-A-a
Khu công nghiệp Phố Nối A	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 57' 04"	106° 01' 24"					F-48-81-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ			20° 59' 50"	105° 58' 12"	20° 55' 29"	106° 09' 10"	F-48-81-A-a
Trường Cao đẳng Công Nghiệp Hưng Yên	KX	xã Giai Phạm	H. Yên Mỹ	20° 56' 24"	106° 01' 40"					F-48-81-A-a
thôn Chấn Đông	DC	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 09"	105° 58' 37"					F-48-80-B-b
thôn Đại Hạnh	DC	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 17"	105° 58' 39"					F-48-80-B-b
thôn Hoà Mục	DC	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 15"	105° 59' 20"					F-48-80-B-b
thôn Ngân Hạnh	DC	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 23"	105° 58' 52"					F-48-80-B-b
cầu Hoàn Long	KX	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 44"	105° 58' 16"					F-48-80-B-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b
Đường huyện 23	KX	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ			20° 57' 21"	105° 56' 46"	20° 53' 39"	105° 59' 05"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 379	KX	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 381	KX	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ			20° 56' 30"	106° 01' 52"	20° 52' 30"	105° 59' 21"	F-48-80-B-b
sông Đồng Than	TV	xã Hoàn Long	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	105° 59' 07"	20° 55' 05"	106° 00' 19"	F-48-80-B-b
Thôn Hảo	DC	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 55' 19"	106° 03' 07"					F-48-81-A-a
thôn Liêu Thượng	DC	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 55' 17"	106° 03' 21"					F-48-81-A-a
thôn Liêu Trung	DC	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 54' 54"	106° 02' 59"					F-48-81-A-a
thôn Liêu Xá	DC	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 55' 16"	106° 03' 02"					F-48-81-A-a
Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	KX	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 55' 14"	106° 02' 58"					F-48-81-A-a
đình Liêu Trung	KX	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ	20° 54' 53"	106° 02' 59"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 39	KX	xã Liêu Xá	H. Yên Mỹ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-a
ấp Giã Cầu	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 50' 25"	106° 02' 20"					F-48-81-A-c
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 33"	106° 03' 12"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tổ Hoả	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 33"	106° 02' 40"					F-48-81-A-c
thôn Tử Dương	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 40"	106° 01' 50"					F-48-81-A-c
thôn Tử Đông	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 34"	106° 02' 12"					F-48-81-A-c
xóm Chu Xá	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 30"	106° 02' 44"					F-48-81-A-c
Xóm Lẻ	DC	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 29"	106° 02' 00"					F-48-81-A-c
cầu Âu Thuyền	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 44"	106° 01' 30"					F-48-81-A-c
Công ty Giống cây trồng Hưng Yên	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 50' 49"	106° 02' 26"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ			20° 51' 12"	106° 01' 50"	20° 36' 53"	106° 05' 30"	F-48-81-A-c
Đình Ngoại	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 27"	106° 03' 11"					F-48-81-A-c
đình Tử Đông	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ	20° 51' 37"	106° 02' 14"					F-48-81-A-c
Đường tỉnh 382	KX	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-c
sông Điện Biên	TV	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Lý Thường Kiệt	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-c
thôn Bắc Khu	DC	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 52' 12"	106° 01' 24"					F-48-81-A-c
thôn Lực Điền	DC	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 51' 49"	106° 01' 19"					F-48-81-A-c
thôn Quảng Uyên	DC	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 51' 48"	106° 00' 33"					F-48-81-A-c
thôn Xuân Lai	DC	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 52' 35"	106° 01' 17"					F-48-81-A-a
cầu Âu Thuyền	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 51' 44"	106° 01' 30"					F-48-81-A-c
cầu Lực Điền	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 52' 01"	106° 01' 33"					F-48-81-A-c
Công ty cổ phần Giầy Hưng Yên	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ	20° 51' 39"	106° 01' 09"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 382	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
Đường tỉnh 383	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 51' 25"	106° 00' 55"	20° 49' 10"	105° 56' 23"	F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Điện Biên	TV	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 39' 16"	106° 03' 44"	20° 51' 58"	106° 01' 36"	F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Minh Châu	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
thôn Thanh Xá	DC	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 55' 35"	106° 02' 56"					F-48-81-A-a
thôn Yên Lão	DC	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 55' 41"	106° 02' 29"					F-48-81-A-a
thôn Yên Thổ	DC	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 55' 55"	106° 02' 18"					F-48-81-A-a
đền Phạm Công Trứ	KX	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 56' 00"	106° 03' 11"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Khu công nghiệp Phố Nối B	KX	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 55' 45"	106° 03' 31"					F-48-81-A-a
lăng Phạm Công Trứ	KX	xã Nghĩa Hiệp	H. Yên Mỹ	20° 55' 57"	106° 03' 14"					F-48-81-A-a
thôn Chi Long	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 42"	106° 01' 44"					F-48-81-A-a
thôn Dịch Trì	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 51"	106° 02' 29"					F-48-81-A-a
thôn Đông Phòng	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Mỹ	20° 54' 35"	106° 02' 04"					F-48-81-A-a
thôn Ngọc Tỉnh	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Mỹ	20° 55' 07"	106° 02' 09"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Ngọc Long	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a
thôn Hào Xuyên	DC	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 53' 47"	106° 02' 32"					F-48-81-A-a
thôn Liêu Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 54' 02"	106° 02' 55"					F-48-81-A-a
thôn Nho Lâm	DC	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 54' 24"	106° 02' 56"					F-48-81-A-a
thôn Thổ Cốc	DC	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 54' 14"	106° 02' 43"					F-48-81-A-a
thôn Thư Thị	DC	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 53' 55"	106° 02' 56"					F-48-81-A-a
đình Thổ Cốc	KX	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ	20° 54' 13"	106° 02' 39"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a
Đường tỉnh 380	KX	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ			21° 00' 07"	106° 03' 58"	20° 53' 30"	106° 02' 40"	F-48-81-A-a
Quốc lộ 39	KX	xã Tân Lập	H. Yên Mỹ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-a
thôn Cảnh Lâm	DC	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 51' 39"	106° 03' 29"					F-48-81-A-c
thôn Giã Cầu	DC	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 51' 58"	106° 03' 49"					F-48-81-A-c

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hoan Ái	DC	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 52' 10"	106° 03' 55"					F-48-81-A-c
thôn Lãng Cầu	DC	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 51' 44"	106° 04' 02"					F-48-81-A-c
thôn Yến Đô	DC	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 51' 28"	106° 03' 59"					F-48-81-A-c
Cầu Hầu	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 52' 04"	106° 03' 46"					F-48-81-A-c
đình Cảnh Lâm	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 51' 38"	106° 03' 29"					F-48-81-A-c
đình Hoan Ái	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ	20° 52' 06"	106° 04' 03"					F-48-81-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 376	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-c
Đường tỉnh 382	KX	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Tân Việt	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-c
thôn Châu Xá	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 40"	106° 01' 19"					F-48-81-A-a
thôn Đặng Xá	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 40"	106° 00' 52"					F-48-81-A-a
thôn Long Vĩ	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 01"	106° 01' 26"					F-48-81-A-a
thôn Nhân Lý	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 31"	106° 01' 39"					F-48-81-A-a
thôn Thuỵ Lân	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 41"	106° 00' 45"					F-48-81-A-a
thôn Thượng Tài	DC	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 23"	106° 01' 01"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 382	KX	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
Nhà máy Giấy Thanh Long	KX	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ	20° 53' 15"	106° 00' 50"					F-48-81-A-a
sông Kim Sơn	TV	xã Thanh Long	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a
thôn Bùi Xá	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 42"	106° 03' 18"					F-48-81-A-a
thôn Cầu Thôn	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 47"	106° 04' 14"					F-48-81-A-a
thôn Nghĩa Xuyên	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 13"	106° 03' 41"					F-48-81-A-a
thôn Nguyễn Xá	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 17"	106° 03' 34"					F-48-81-A-a
thôn Nội Tây	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 51' 46"	106° 02' 59"					F-48-81-A-a
thôn Quần Ngọc	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 01"	106° 03' 31"					F-48-81-A-a
thôn Tam Trạch	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 50"	106° 04' 08"					F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thiên Lộc	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 49"	106° 03' 35"					F-48-81-A-a
thôn Thượng Bùi	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 51"	106° 03' 18"					F-48-81-A-a
thôn Trung Hoà	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 34"	106° 03' 21"					F-48-81-A-a
thôn Xuân Tảo	DC	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 53' 13"	106° 04' 08"					F-48-81-A-a
chùa Thượng Bùi	KX	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 51"	106° 03' 16"					F-48-81-A-a
Cầu Hầu	KX	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 04"	106° 03' 46"					F-48-81-A-c
đền Thượng Bùi	KX	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 55"	106° 03' 20"					F-48-81-A-a
đình Thượng Bùi	KX	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 44"	106° 03' 14"					F-48-81-A-a
Đường tỉnh 376	KX	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ			20° 56' 47"	106° 01' 11"	20° 39' 37"	106° 07' 57"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Trung Hoà	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-c
Thôn Hạ	DC	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 42"	106° 01' 40"					F-48-81-A-a
thôn Đạo Khê	DC	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 25"	106° 01' 42"					F-48-81-A-c
thôn Thuỵ Trang	DC	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 34"	106° 01' 50"					F-48-81-A-a
thôn Trung Đạo	DC	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 51' 50"	106° 02' 25"					F-48-81-A-c
cầu Lực Điền	KX	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 01"	106° 01' 33"					F-48-81-A-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Phát triển Trang trại Hà Hưng	KX	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 15"	106° 02' 07"					F-48-81-A-c
đình Thuỵ Trang	KX	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ	20° 52' 29"	106° 01' 51"					F-48-81-A-c
Quốc lộ 39	KX	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ			20° 55' 55"	106° 03' 49"	20° 39' 10"	106° 07' 41"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
sông Kim Sơn	TV	xã Trung Hưng	H. Yên Mỹ			20° 58' 24"	105° 54' 42"	20° 53' 42"	106° 08' 12"	F-48-81-A-a, F-48-81-A-c
thôn Mỹ Xá	DC	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ	20° 53' 13"	106° 00' 06"					F-48-81-A-a
thôn Thái Nội	DC	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ	20° 52' 36"	106° 00' 39"					F-48-81-A-a
thôn Thanh Xá	DC	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ	20° 53' 03"	106° 00' 20"					F-48-81-A-a
đình Thanh Xá	KX	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ	20° 53' 01"	106° 00' 17"					F-48-81-A-a
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 382	KX	xã Việt Cường	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
thôn Đền Gạo	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 20"	105° 59' 42"					F-48-80-B-d
thôn Đông Hoà	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 06"	105° 59' 23"					F-48-80-B-d
thôn Khoá Nhu 1	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 28"	105° 59' 08"					F-48-80-B-d
thôn Khoá Nhu 2	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 23"	105° 59' 38"					F-48-80-B-d
thôn Thái Hoà	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 38"	105° 58' 01"					F-48-80-B-b
thôn Thung Linh	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 13"	105° 58' 53"					F-48-80-B-d
Xóm Đình	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ	20° 52' 22"	105° 59' 00"					F-48-80-B-d
Đường tỉnh 379	KX	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b, F-48-80-B-d
Đường tỉnh 381	KX	xã Yên Hoà	H. Yên Mỹ			20° 56' 30"	106° 01' 52"	20° 52' 30"	105° 59' 21"	F-48-80-B-b
thôn Bình Phú	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 52' 51"	105° 59' 24"					F-48-80-B-b
thôn Lại Trạch	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 32"	105° 57' 52"					F-48-80-B-b
thôn Mễ Hạ	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 06"	105° 59' 18"					F-48-80-B-b
thôn Mễ Thượng	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 30"	105° 59' 15"					F-48-80-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 52' 50"	105° 57' 54"					F-48-80-B-b
thôn Từ Hồ	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 38"	105° 58' 57"					F-48-80-B-b
thôn Từ Tây	DC	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 28"	105° 58' 13"					F-48-80-B-b
cầu Từ Hồ 1	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 39"	105° 59' 07"					F-48-80-B-b
cầu Từ Hồ 2	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 39"	105° 59' 04"					F-48-80-B-b
chùa Từ Hồ	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 43"	105° 58' 51"					F-48-80-B-b
đình Bình Phú	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 52' 45"	105° 59' 17"					F-48-80-B-b
đình Từ Hồ	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ	20° 53' 42"	105° 58' 51"					F-48-80-B-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 58' 09"	105° 57' 04"	20° 51' 10"	106° 08' 08"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
Đường huyện 23	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 57' 21"	105° 56' 46"	20° 53' 39"	105° 59' 05"	F-48-80-B-b

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 379	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 58' 25"	105° 55' 41"	20° 50' 33"	106° 00' 24"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 381	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 56' 30"	106° 01' 52"	20° 52' 30"	105° 59' 21"	F-48-80-B-b
Đường tỉnh 382	KX	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	106° 08' 12"	20° 53' 16"	105° 54' 47"	F-48-80-B-b, F-48-81-A-a
sông Đồng Than	TV	xã Yên Phú	H. Yên Mỹ			20° 53' 38"	105° 59' 07"	20° 55' 05"	106° 00' 19"	F-48-80-B-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật